

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Bản Bìn	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 13"	104° 52' 12"							F-48-90-B
Bản Bon	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 06"	104° 55' 37"							F-48-90-B
núi Eo Hiên	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 57"	104° 55' 24"							F-48-90-B
Bản Hao	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 35"	104° 54' 11"							F-48-90-B
Bản Hẹ	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 48"	104° 54' 00"							F-48-90-B
eo Len Mường	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 27"	104° 51' 31"							F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"			F-48-90-B, F-48-90-D
núi Pa Pa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"							F-48-90-B
Bản Păng	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 41"	104° 55' 48"							F-48-90-D
núi Pha Đưa	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 12"	104° 54' 38"							F-48-90-B
núi Pha Han	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"							F-48-90-D
núi Pha Phan	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 18' 54"	104° 52' 16"							F-48-90-B
núi Pha Yéc	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"							F-48-90-D
núi Pu Bào	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 50' 02"							F-48-90-B
núi Pu Khoang	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"							F-48-90-D
núi Pu Lâu	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"							F-48-90-D
núi Pu Ngòi	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 58"	104° 51' 29"							F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"							F-48-90-B
Bản Sỏi	DC	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 15' 46"	104° 52' 14"							F-48-90-B
Suối Sỏi	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 14' 26"	104° 50' 36"	20° 16' 10"	104° 52' 30"			F-48-90-B
núi Tạng Lồng	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"							F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"							F-48-90-B
núi Tén Trương	SV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"							F-48-90-B
Suối Tuốt	TV	xã Sơn Lư	H. Quan Sơn			20° 16' 10"	104° 52' 30"	20° 15' 11"	104° 55' 01"			F-48-90-B
Pha Cây	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 24' 37"	104° 47' 55"							F-48-90-B
Bản Chanh	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 28"	104° 47' 02"							F-48-90-B
bản Chung Sơn	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 35"							F-48-90-A
Bản Cóc	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 30"	104° 45' 47"							F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
pha Hang Cáp	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 52"	104° 45' 50"							F-48-90-B
Pha Hen	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 08"	104° 45' 54"							F-48-90-B
Bản Hiết	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 21"	104° 45' 50"							F-48-90-B
pha Hin Lếch	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	104° 42' 32"							F-48-90-A
Bản Khả	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	104° 43' 52"							F-48-90-A
Pu Khằng	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 12"	104° 48' 00"							F-48-90-B
Suối Khua	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 24' 14"	104° 40' 59"	20° 22' 38"	104° 42' 36"			F-48-90-A
Sông Luồng	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 18' 18"	104° 37' 03"	20° 24' 07"	105° 04' 37"			F-48-90-(A,B)
bản Mùa Xuân	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 21' 37"	104° 41' 42"							F-48-90-A
Bản Muống	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 56"	104° 45' 18"							F-48-90-B
Suối Muống	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 21' 13"	104° 43' 52"	20° 19' 50"	104° 45' 12"			F-48-90-A
Pu Ôi	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 24"	104° 48' 24"							F-48-90-B
núi Pa Sần	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 46"	104° 48' 37"							F-48-90-B
Suối Pán	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 20' 36"	104° 45' 11"	20° 20' 13"	104° 45' 43"			F-48-90-B
núi Pha Bo	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	104° 42' 18"							F-48-90-A
núi Pha Rùa	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 18"	104° 44' 10"							F-48-90-A
Pha Pung	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 20' 38"	104° 47' 46"							F-48-90-B
suối Sa Lước	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 21' 19"	104° 41' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"			F-48-90-A
hồ Sía Nhay	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 23' 05"	104° 39' 18"	20° 23' 31"	104° 40' 19"			F-48-90-A
póm Tai Xáy	SV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 32"	104° 44' 27"							F-48-90-A
bản Thủy Chung	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 07"	104° 44' 49"							F-48-90-A
bản Thủy Sơn	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 56"	104° 44' 53"							F-48-90-A
bản Thủy Thành	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 19' 25"	104° 43' 16"							F-48-90-A
Suối Xía	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 22' 38"	104° 42' 36"	20° 18' 58"	104° 44' 46"			F-48-90-A, F-48-90-B
bản Xía Nội	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 23' 09"	104° 41' 49"							F-48-90-A
suối Xía Tóp	TV	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn			20° 23' 31"	104° 40' 19"	20° 22' 38"	104° 42' 36"			F-48-90-A
bản Xuân Thành	DC	xã Sơn Thủy	H. Quan Sơn	20° 18' 46"	104° 43' 30"							F-48-90-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Bom Co Mơ	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 33"	104° 57' 36"							F-48-90-D
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"							F-48-90-D
pom Co Lầu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 15"	104° 54' 54"							F-48-90-D
Bản Hát	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 14"	104° 54' 00"							F-48-90-D
Đản Hậu	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 29"	104° 54' 11"							F-48-90-D
núi Keo Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 02"	104° 56' 02"							F-48-90-D
Suối Khả	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"			F-48-90-D
Sông Lò	TV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"			F-48-90-D
Pu Móc	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 07' 23"	104° 56' 46"							F-48-90-D
Bản Muống	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 17"	104° 54' 32"							F-48-90-D
núi Pha Han	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 08"	104° 55' 02"							F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 41"	104° 55' 44"							F-48-90-D
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"							F-48-90-D
núi Pha Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 03"	104° 56' 20"							F-48-90-D
núi Phả Mé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 08"	104° 56' 06"							F-48-90-D
núi Pha Mót	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 10' 24"	104° 56' 49"							F-48-90-D
núi Pha Muốp	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 55' 48"							F-48-90-D
phủ Phả Mực	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"							F-48-90-D
núi Pha Ngâm	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 40"	104° 55' 44"							F-48-90-D
núi Pha sần	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"							F-48-90-D
bản Piềng Khoé	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 27"	104° 53' 35"							F-48-90-D
núi Pu Khoang	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 53"	104° 51' 50"							F-48-90-D
núi Pu Khoé	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"							F-48-90-D
núi Pu Lầu	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 37"	104° 50' 56"							F-48-90-D
núi Pù Lung Linh	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 08' 04"	104° 57' 47"							F-48-90-D
Bản Sại	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 12' 36"	104° 53' 46"							F-48-90-D
phủ Sang Si	SV	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 09' 01"	104° 55' 37"							F-48-90-D
Bản Tĩnh	DC	xã Tam Lư	H. Quan Sơn	20° 14' 21"	104° 52' 48"							F-48-90-D
suối Nậm Mỏ	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 13"	104° 54' 07"	20° 09' 53"	104° 51' 54"			F-48-90-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
suối Áng Ngươc Nội	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 37"	104° 51' 30"	20° 08' 55"	104° 51' 14"	F-48-90-D		
suối Áng Ngươc Tóp	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 03"	104° 50' 20"	20° 08' 54"	104° 51' 11"	F-48-90-D		
núi Bom Co Mòn	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 32"	104° 54' 36"					F-48-90-D		
Bản Bôn	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 25"	104° 52' 12"					F-48-90-D		
bản Cha Lung	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 25"	104° 51' 04"					F-48-90-D		
Suối Dốc	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 27"	104° 49' 35"	20° 09' 25"	104° 51' 32"	F-48-90-D		
Phu Hao	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 24"	104° 49' 44"					F-48-90-D		
Suối Khả	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 51"	104° 56' 15"	20° 11' 21"	104° 52' 37"	F-48-90-D		
Bản Khăm	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 01"	104° 52' 01"					F-48-90-D		
Sông Lò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-90-D		
Suối Loang	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 11' 21"	104° 49' 12"	20° 12' 17"	104° 50' 53"	F-48-90-D		
Suối Lôn	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 09' 19"	104° 50' 30"	20° 09' 08"	104° 51' 11"	F-48-90-D		
phủ Lung Tạo	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 08' 54"	104° 53' 10"					F-48-90-D		
Bản Mò	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 35"	104° 53' 24"					F-48-90-D		
bản Nà Ấu	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 47"	104° 52' 52"					F-48-90-D		
suối Nặm Mò	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 08' 55"	104° 51' 14"	20° 09' 53"	104° 51' 54"	F-48-90-D		
Bản Ngâm	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 11"	104° 52' 34"					F-48-90-D		
Bản Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 35"	104° 50' 02"					F-48-90-D		
Suối Pa	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn							F-48-90-D		
núi Pha Lanh	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 50' 10"					F-48-90-D		
phủ Phả Mứt	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 09' 30"	104° 55' 12"					F-48-90-D		
núi Pha Sần	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 17"	104° 54' 14"					F-48-90-D		
Bản Phe	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 51' 54"					F-48-90-D		
Suối Phe	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 12' 17"	104° 50' 53"	20° 11' 33"	104° 52' 37"	F-48-90-D		
núi Phu Yéc	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 58"	104° 49' 52"					F-48-90-D		
Suối Phúm	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 10' 45"	104° 50' 42"	20° 10' 14"	104° 51' 47"	F-48-90-D		
bản Piêng Pa	DC	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 36"	104° 52' 30"					F-48-90-D		
núi Pu Khoé	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 20"	104° 51' 22"					F-48-90-D		
núi Pù Xá Lầy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 05"	104° 46' 01"					F-48-90-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Suối Pưm	TV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn			20° 13' 07"	104° 50' 44"	20° 12' 46"	104° 50' 28"	F-48-90-D		
sỏi Sạ Lạy	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 22"	104° 48' 54"					F-48-90-D		
sỏi Sầm Hèm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 10' 50"	104° 48' 04"					F-48-90-D		
núi Sầm Liềm	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 11' 58"	104° 46' 23"					F-48-90-D		
Đồn Biên phòng Tam Thanh	KX	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 12' 01"	104° 53' 17"					F-48-90-D		
pu Tén Chồng	SV	xã Tam Thanh	H. Quan Sơn	20° 13' 49"	104° 47' 42"					F-48-90-D		
quốc lộ 217	KX	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-c		
Bản Bá	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 48"	105° 03' 25"					F-48-91-A-c		
Suối Bá	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 21"	105° 03' 47"	20° 18' 23"	105° 03' 00"	F-48-91-A-c		
Suối Cánh	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 20' 07"	105° 01' 34"	20° 18' 43"	105° 02' 02"	F-48-91-A-c		
bản Chiềng Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 00"	105° 02' 24"					F-48-91-A-c		
pu Có Nội	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"					F-48-91-A-c		
Bản Din	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 39"	105° 01' 41"					F-48-91-A-c		
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c		
núi Hang Khoai	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 44"	105° 03' 09"					F-48-91-A-c		
núi Hang Lươn	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 13"	105° 04' 08"					F-48-91-A-c		
rúi Hín Chay	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c		
Pu Hỏ	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"					F-48-91-A-c		
pu Huối Bo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 20' 58"	105° 00' 38"					F-48-91-A-c		
Bản Lang	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 34"	105° 04' 16"					F-48-91-A-c		
Sông Lò	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c		
Bản Lợi	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c		
Suối Lợi	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 19' 37"	105° 00' 54"	20° 18' 47"	105° 01' 30"	F-48-91-A-c		
đồi Lung Nhung	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 25"	105° 05' 06"					F-48-91-A-c		
Pu Nga	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 21"	105° 04' 51"					F-48-91-A-c		
pu Pa Chè	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 47"	105° 05' 01"					F-48-91-A-c		
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c		
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c		
núi Pu Huống	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"					F-48-91-A-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Sấn Căng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"					F-48-91-A-c
núi Sấn Chưa Dựng	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 59"	105° 00' 22"					F-48-91-A-c
núi Sấn Hìn Cáp	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"					F-48-91-A-c
núi Sấn Pa Bua	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
núi Tén Lầu	SV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 04"	105° 01' 55"					F-48-91-A-c
Bản Xanh	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 16' 56"	105° 03' 58"					F-48-91-A-c
Bản Xầy	DC	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 02' 42"					F-48-91-A-c
Suối Xầy	TV	xã Trung Hạ	H. Quan Sơn			20° 16' 20"	105° 03' 14"	20° 18' 24"	105° 02' 46"	F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
Bản Bách	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 15"	104° 59' 13"					F-48-90-B
Bản Bàng	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 37"	104° 56' 13"					F-48-90-B
Bản Bón	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 48"	104° 57' 36"					F-48-90-B
Bản Kạn	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 58"	104° 57' 58"					F-48-90-B
Huổi Kạn	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 18' 24"	104° 57' 32"	20° 16' 50"	104° 58' 08"	F-48-90-B
Sông Lò	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Máy	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 02"	104° 56' 38"					F-48-90-B
Huổi Máy	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 19' 04"	104° 55' 59"	20° 16' 49"	104° 57' 25"	F-48-90-B
Bản Ngâm	DC	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 49"	104° 58' 37"					F-48-90-B
Huổi Ngâm	TV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn			20° 15' 27"	104° 59' 03"	20° 16' 54"	104° 58' 30"	F-48-90-B
núi Nhót Huổi Khá	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 10"	104° 58' 26"					F-48-90-B
núi Pa Pa	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 18' 02"	104° 53' 55"					F-48-90-B
núi Pha Đen Đin	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 15' 30"	104° 57' 29"					F-48-90-B
núi Phòng Không	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 37"	104° 56' 35"					F-48-90-B
núi Pu Sai	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 26"	104° 55' 30"					F-48-90-B
núi Tạng Lồng	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 16' 43"	104° 55' 19"					F-48-90-B
núi Tén Chong	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 50"	104° 54' 07"					F-48-90-B
núi Tén Trương	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 07"	104° 54' 26"					F-48-90-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Phá Tót	SV	xã Trung Thượng	H. Quan Sơn	20° 17' 16"	104° 57' 32"					F-48-90-B
tiểu khu 22	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 17"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
quốc lộ 217	KX	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
pu Cánh Tiên	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 32"	105° 01' 30"					F-48-91-A-c
Bản Chè	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 18"	105° 00' 20"					F-48-91-A-c
Bản Cùm	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 42"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Huổi Cùm	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 15' 45"	105° 01' 29"	20° 17' 19"	105° 00' 11"	F-48-91-A-c
Pu Dạ	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 27"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Bản Đe	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 29"	104° 58' 58"					F-48-90-B
Huổi Đe	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 20' 20"	104° 57' 46"	20° 18' 00"	105° 00' 22"	F-48-90-B, F-48-91-A-c
Pha Đoan	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 15' 41"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
núi Hang Dơi	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 48"	105° 00' 26"					F-48-91-A-c
núi Hín Chay	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 01' 44"					F-48-91-A-c
Bản Lâm	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 49"	105° 00' 32"					F-48-91-A-c
Pom Lau	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 20' 06"	104° 59' 10"					F-48-90-B
Sống Lò	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"	F-48-91-A-c
Bản Lốc	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 17' 46"	105° 00' 54"					F-48-91-A-c
núi Pha Lăng Héo	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 40"	105° 01' 05"					F-48-91-A-c
núi Pha Lanh	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 09"	105° 00' 50"					F-48-91-A-c
Pu Phang	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 16' 05"	105° 01' 19"					F-48-91-A-c
Bản Pong	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 55"	104° 59' 35"					F-48-90-B
núi Sắn Co Hầm	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 19' 47"	105° 00' 07"					F-48-91-A-c
núi Sắn Pa Bua	SV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 48"	105° 00' 58"					F-48-91-A-c
Huổi Sén	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 19' 20"	105° 00' 25"	20° 18' 29"	105° 01' 04"	F-48-91-A-c
suối Si Ly	TV	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn			20° 17' 49"	105° 01' 34"	20° 18' 26"	105° 01' 12"	F-48-91-A-c
Bản Tong	DC	xã Trung Tiến	H. Quan Sơn	20° 18' 11"	105° 00' 47"					F-48-91-A-c
núi Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 26"	105° 05' 02"					F-48-91-A-c
sản Buốc Mu	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 08"	105° 05' 13"					F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Bản Cạn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 01"	105° 03' 23"							F-48-91-A-c
Pu Cạn	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 44"	105° 02' 32"							F-48-91-A-c
pu Có Nội	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 57"	105° 01' 53"							F-48-91-A-c
Pha Đanh	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 49"	105° 05' 17"							F-48-91-A-c
Pha Đón	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 04"	105° 07' 08"							F-48-91-A-c
Pu Hồ	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 20"	105° 04' 41"							F-48-91-A-c
núi Hoa Ngỗng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 36"	105° 03' 29"							F-48-91-A-c
Bản La	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 26"	105° 04' 12"							F-48-91-A-c
Suối La	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 46"	105° 04' 52"	20° 19' 41"	105° 04' 16"			F-48-91-A-c
Sông Lò	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 09' 53"	104° 51' 54"	20° 22' 47"	105° 06' 00"			F-48-91-A-c
Nậm Lung	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 22' 43"	105° 05' 13"	20° 22' 24"	105° 05' 46"			F-48-91-A-c
Pha Lý	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 23"	105° 06' 00"							F-48-91-A-c
Bản Mòn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 55"	105° 04' 08"							F-48-91-A-c
Bản Muống	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 55"	105° 04' 37"							F-48-91-A-c
Pha Muống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 04' 12"							F-48-91-A-c
suối Na Ngón	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 17"	105° 06' 30"	20° 21' 21"	105° 05' 38"			F-48-91-A-c
núi Nóc Ngua	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 22' 14"	105° 05' 06"							F-48-91-A-c
Pha Ong	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 40"	105° 03' 43"							F-48-91-A-c
Suối Ong	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 20' 54"	105° 04' 01"	20° 20' 32"	105° 04' 41"			F-48-91-A-c
núi Pa Đay	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 25"	105° 03' 42"							F-48-91-A-c
núi Pa Hịa	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 57"	105° 07' 21"							F-48-91-A-c
núi Pha Mò	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 49"	105° 06' 24"							F-48-91-A-c
Pha Phụ	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 32"	105° 06' 42"							F-48-91-A-c
bản Phú Nam	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 00"	105° 05' 20"							F-48-91-A-c
Bản Phụn	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 22"	105° 04' 48"							F-48-91-A-c
Suối Phụn	TV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn			20° 18' 32"	105° 05' 42"	20° 20' 30"	105° 04' 44"			F-48-91-A-c
bản Piềng Phở	DC	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 01"	105° 04' 37"							F-48-91-A-c
núi Pu Huống	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 18' 51"	105° 02' 53"							F-48-91-A-c
núi Săn Căng	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 17' 57"	105° 04' 59"							F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Săn Hìn Cáp	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 19' 03"	105° 02' 28"							F-48-91-A-c
núi Tén Luông	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 21' 11"	105° 03' 42"							F-48-91-A-c
núi Tre Luông	SV	xã Trung Xuân	H. Quan Sơn	20° 20' 56"	105° 03' 08"							F-48-91-A-c
khu phố 1	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 34"	105° 44' 02"							F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 41"	105° 44' 10"							F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 50"	105° 44' 13"							F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 44' 24"							F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"			F-48-92-C-b
dốc Cảng Cua	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"							F-48-92-C-b
Khu phố Cát	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 56"	105° 44' 06"							F-48-92-C-b
đồi Đồng Sở	SV	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"							F-48-92-C-b
khu phố Long Ngọc	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 44' 13"							F-48-92-C-b
khu phố Long Vân	DC	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 44' 35"							F-48-92-C-b
Nhà máy Đường Việt Đại	KX	TT. Vân Du	H. Thạch Thành	20° 08' 48"	105° 43' 55"							F-48-92-C-b
khu phố 1	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 02"	105° 40' 37"							F-48-92-C-b
khu phố 2	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 19"							F-48-92-C-b
khu phố 3	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 40' 04"							F-48-92-C-b
khu phố 4	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 39' 40"							F-48-92-C-b
khu phố 5	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 40"	105° 40' 05"							F-48-92-C-b
khu phố 6	DC	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 39' 29"							F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"			F-48-92-C-b
cầu Nỗ Soái	KX	TT. Kim Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"							F-48-92-C-b
thôn Dọc Dành	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 49"	105° 46' 08"							F-48-92-D-c
hồ Đồng Ngự	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"							F-48-92-C-d
thôn Ngọc An	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 08"	105° 44' 06"							F-48-92-C-d
thôn Ngọc Long	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 48"	105° 45' 25"							F-48-92-D-c
thôn Ngọc Thanh	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 01"	105° 46' 19"							F-48-92-D-c
thôn Ngọc Trạo	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 19"	105° 44' 56"							F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
núi Tây Nêo Bỏ	SV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thiểm Niêm	DC	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành	20° 05' 29"	105° 45' 40"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Ngọc Trạo	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn An Đình	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 21"	105° 37' 12"					F-48-92-C-a
thôn An Kim	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 36' 43"					F-48-92-C-a
thôn An Long	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 42"	105° 36' 59"					F-48-92-C-a
thôn An Phượng	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 43"	105° 36' 49"					F-48-92-C-a
thôn An Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 57"	105° 36' 52"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Lợi	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 09"	105° 35' 31"					F-48-92-C-a
thôn Bằng Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Châu Sơn	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 08"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
đồi Chông Mâm	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 02"	105° 35' 29"					F-48-92-C-a
đồi Gò La	SV	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 25"	105° 36' 02"					F-48-92-C-a
thôn Gò La	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 36' 18"					F-48-92-C-a
thôn Thanh Giang	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 37"					F-48-92-C-b
thôn Yên Khánh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 16"	105° 37' 20"					F-48-92-C-a
thôn Yên Phú	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 42"	105° 37' 16"					F-48-92-C-a
thôn Yên Thanh	DC	xã Thạch Bình	H. Thạch Thành	20° 10' 03"	105° 37' 28"					F-48-92-C-a
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
xóm Bu Bu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 31' 26"					F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
thôn Cẩm Lợi 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 30"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Lợi 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 38"	105° 33' 19"					F-48-92-C-a
thôn Cẩm Mới	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 35"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c
đồi Cây Sứ	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 14"	105° 31' 56"					F-48-92-A-c
Đồi Chu	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 20"	105° 32' 01"					F-48-92-C-a
núi Có Bương	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
Đồi Con	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 53"	105° 33' 32"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm			Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối	
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		Vĩ độ	Kinh độ
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)		(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)
Đồi Đồng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a		
xóm Đồng Tân	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 31' 54"					F-48-92-A-c		
thôn Đồng Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 51"	105° 32' 00"					F-48-92-C-a		
núi Hang Khướn	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 34' 09"					F-48-92-C-a		
hồ Khe Môn	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 00"	105° 31' 55"					F-48-92-A-c		
xóm Làng Cầu	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 16' 03"	105° 31' 48"					F-48-92-A-c		
đồi Ó Tráng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a		
xóm Thạch Lũng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 33"	105° 33' 34"					F-48-92-C-a		
thôn Thạch Môn	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 55"	105° 32' 11"					F-48-92-A-c		
thôn Thạch Yên 1	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 57"	105° 33' 00"					F-48-92-A-c		
thôn Thạch Yên 2	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 07"	105° 32' 39"					F-48-92-A-c		
xóm Thành Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 01"	105° 33' 52"					F-48-92-C-a		
xóm Thành Minh	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 11"	105° 33' 50"					F-48-92-C-a		
thôn Thành Quang	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 34' 13"					F-48-92-C-a		
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"					F-48-92-C-a		
Núi Thờ	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 34' 00"					F-48-92-C-a		
đồi Trung Giai	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 23"	105° 32' 12"					F-48-92-A-c		
đồi Vó Nước	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c		
đồi Vó Vàng	SV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 31' 35"					F-48-92-A-c		
thôn Xuân Long	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 34' 43"					F-48-92-C-a		
hồ Xuân Lũng	TV	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 49"	105° 34' 08"					F-48-92-C-a		
thôn Xuân Thắng	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 12' 51"	105° 34' 32"					F-48-92-C-a		
thôn Xuân Tiến	DC	xã Thạch Cẩm	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 34' 11"					F-48-92-C-a		
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Định	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b		
thôn Định Cát	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 57"	105° 40' 04"					F-48-92-C-b		
thôn Định Hưng	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 07' 58"	105° 39' 34"					F-48-92-C-b		
thôn Định Tân	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 19"					F-48-92-C-b		
thôn Định Tường	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b		
thôn Thạch An	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 09"	105° 38' 51"					F-48-92-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Thạch Toàn	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 09' 35"	105° 38' 41"						F-48-92-C-b	
thôn Tiến Thành	DC	xã Thạch Định	H. Thạch Thành	20° 08' 23"	105° 39' 45"						F-48-92-C-b	
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"		F-48-92-C-b, F-48-92-C-d	
Núi Chiềng	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 06"	105° 36' 58"						F-48-92-C-a	
thôn Cự Môn	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 28"	105° 37' 52"						F-48-92-C-b	
thôn Đại Dương	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 13"	105° 36' 30"						F-48-92-C-a	
thôn Đại Phong	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 36' 27"						F-48-92-C-a	
thôn Đồng Thịnh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 36' 20"						F-48-92-C-a	
thôn Đồng Trạch	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 08"						F-48-92-C-b	
thôn Duyên Linh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 20"	105° 37' 50"						F-48-92-C-d	
thôn Phú An	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 44"	105° 37' 25"						F-48-92-C-a	
thôn Phú Ninh	DC	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 37' 16"						F-48-92-C-a	
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"						F-48-92-C-a	
Đồi Than	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"						F-48-92-C-b	
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"						F-48-92-C-a	
Núi Thờ	SV	xã Thạch Đồng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 37' 03"						F-48-92-C-a	
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"						F-48-92-A-c	
Thôn Biện	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 55"	105° 31' 49"						F-48-92-A-c	
Đồi Bu	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 50"	105° 25' 41"						F-48-91-B-b	
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"		F-48-92-A-c	
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"						F-48-91-B-d	
Thôn Đẳng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 58"	105° 26' 59"						F-48-91-B-d	
Thôn Đồi	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 59"	105° 31' 37"						F-48-92-A-c	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"		F-48-92-A-c	
Sông Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 21' 47"	105° 26' 48"	20° 20' 01"	105° 31' 05"		F-48-92-A-c	
Suối Ngang	TV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành			20° 22' 42"	105° 25' 09"	20° 21' 47"	105° 26' 48"		F-48-92-A-c	
Thôn Nghéo	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 43"	105° 31' 38"						F-48-92-A-c	
thôn Nội Thành	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 46"	105° 28' 12"						F-48-91-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 20' 01"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c
núi Thung Cấn	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 22' 04"	105° 25' 00"					F-48-91-B-d
Thôn Thượng	DC	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 21' 57"	105° 26' 10"					F-48-91-B-d
Núi Voi	SV	xã Thạch Lâm	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 31' 31"					F-48-92-A-c
thôn 1	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 25"	105° 37' 37"					F-48-92-C-c
thôn 2	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 37' 26"					F-48-92-C-c
thôn 3	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 36' 41"					F-48-92-C-c
thôn 4	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 03"	105° 36' 22"					F-48-92-C-c
thôn 5	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 36' 16"					F-48-92-C-a
thôn 6	DC	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 39"	105° 36' 45"					F-48-92-C-a
quốc lộ 45	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d,
cầu Cổ Tế	KX	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"					F-48-92-C-d
đồi Hang Ma	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 10"	105° 35' 56"					F-48-92-C-c
đồi Rộc Sung	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 07' 32"	105° 36' 33"					F-48-92-C-a
đồi Thánh Giá	SV	xã Thạch Long	H. Thạch Thành	20° 08' 15"	105° 36' 07"					F-48-92-C-a
Nông trường 26/3	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 22"	105° 31' 37"					F-48-92-A-c
núi Ái Nàng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
núi Bai Làng	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c
thôn Bái Thố	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
Núi Bương	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 10"	105° 30' 43"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 14"	105° 30' 24"					F-48-92-A-c
Đồi Đầm	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 32' 07"					F-48-92-A-c
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
hồ Đồng Mực	TV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 48"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Mực	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 44"	105° 30' 39"					F-48-92-A-c
núi Đồng Thu	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 15"	105° 32' 03"					F-48-92-A-c
dốc Eo Trăn	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 15' 38"	105° 30' 41"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-A-c		
Thôn Mợ	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 08"	105° 31' 17"					F-48-92-A-c		
Núi Nức	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 31' 53"					F-48-92-A-c		
Thôn Phó	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 49"	105° 31' 15"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Be	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 26"	105° 31' 46"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Bình	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 23"	105° 30' 46"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Cư	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 09"	105° 31' 29"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Giang	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 31' 32"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Lâm	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Tân	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 51"	105° 31' 39"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Thành	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 54"	105° 30' 56"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Trung	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 47"	105° 30' 54"					F-48-92-A-c		
thôn Quảng Yên	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 17' 13"	105° 31' 11"					F-48-92-A-c		
Thôn Thỏ	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 25"	105° 31' 07"					F-48-92-A-c		
Thôn Thóc	DC	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 31' 03"					F-48-92-A-c		
núi Trung Nai	SV	xã Thạch Quảng	H. Thạch Thành	20° 18' 27"	105° 30' 29"					F-48-92-A-c		
thôn Bái Đằng	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 17"	105° 35' 23"					F-48-92-C-a		
thôn Bình Chính	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 23"	105° 37' 01"					F-48-92-C-a		
thôn Bình Sậy	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 36"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a		
Sông Bưởi	TV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b		
Đồi Cao	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 41"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a		
thôn Đằng Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 35' 07"					F-48-92-C-a		
thôn Đồng Hương	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 47"	105° 36' 06"					F-48-92-C-a		
núi Hang Bồng	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 35' 32"					F-48-92-C-a		
thôn Liên Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 10' 59"	105° 35' 50"					F-48-92-C-a		
thôn Minh Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 11' 18"	105° 36' 34"					F-48-92-C-a		
núi Ông Voi	SV	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 07"	105° 35' 14"					F-48-92-C-a		
thôn Trường Sơn	DC	xã Thạch Sơn	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 35' 49"					F-48-92-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu 1	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 38' 21"					F-48-92-C-b
khu 2	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 38"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
khu 3	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 32"	105° 38' 18"					F-48-92-C-b
khu 4	DC	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 50"	105° 37' 55"					F-48-92-C-b
Sông Bưởi	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Than	SV	xã Thạch Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 37' 48"					F-48-92-C-b
núi Á Nàng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d
đập Bai Sao	KX	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 39"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
Núi Cái	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
đồi Cây Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 05"	105° 26' 19"					F-48-91-B-d
Đồi Cha	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 09"	105° 27' 40"					F-48-91-B-d
núi Cống Hang	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 29' 52"					F-48-91-B-d
núi Đồng Mới	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 25"	105° 30' 18"					F-48-92-A-c
núi Eo Ngác	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 18"	105° 28' 09"					F-48-91-B-d
Núi Mí	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 24"	105° 25' 56"					F-48-91-B-d
thôn Tân Lập	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 52"	105° 29' 38"					F-48-91-B-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 17' 32"	105° 29' 52"					F-48-92-A-c
thôn Tượng Liên 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 47"	105° 28' 28"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 02"	105° 28' 50"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Liên 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 18' 03"	105° 29' 14"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 1	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 09"	105° 26' 43"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 2	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 37"	105° 27' 02"					F-48-91-B-d
thôn Tượng Sơn 3	DC	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 19' 11"	105° 27' 45"					F-48-91-B-d
Đồi Vóng	SV	xã Thạch Tượng	H. Thạch Thành	20° 20' 19"	105° 26' 09"					F-48-91-B-d
Đồi Búi	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
hồ Đồng Ngư	TV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 45"	105° 42' 58"					F-48-92-C-d
thôn Đồng Ngư	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 11"	105° 42' 26"					F-48-92-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Dỷ Thẳng	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 42' 44"					F-48-92-C-d		
thôn Dỷ Tiến	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 32"	105° 43' 09"					F-48-92-C-d		
thôn Hoà Lễ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 22"	105° 43' 53"					F-48-92-C-d		
đồi Sau Làng	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d		
núi Tây Neo Bò	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d		
thôn Thạch Cừ	DC	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 06' 08"	105° 43' 12"					F-48-92-C-d		
đồi Voi Sạc	SV	xã Thành An	H. Thạch Thành	20° 05' 12"	105° 43' 26"					F-48-92-C-d		
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b		
thôn Bát Mé	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 38"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b		
thôn Bông Bụt	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 56"	105° 40' 10"					F-48-92-C-b		
Quần Cao	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 54"	105° 41' 02"					F-48-92-C-b		
núi Đá Bạch	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 42' 16"					F-48-92-C-b		
núi Đá Voi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 57"	105° 40' 52"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Chư	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 27"	105° 39' 58"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Đa	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 01"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Hội	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 00"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Thượng	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 09"	105° 40' 30"					F-48-92-C-b		
Thung Dưa	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 41"	105° 41' 18"					F-48-92-C-b		
thung Hang Hiếm	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 07"	105° 40' 47"					F-48-92-C-b		
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 24"	105° 40' 44"					F-48-92-C-b		
Thung Ồi	SV	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 12' 48"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b		
Quần Si	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 13' 09"	105° 41' 31"					F-48-92-C-b		
cầu Thành Công	KX	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 52"	105° 40' 16"					F-48-92-C-b		
thôn Trường Châu	DC	xã Thành Công	H. Thạch Thành	20° 11' 35"	105° 40' 42"					F-48-92-C-b		
quốc lộ 45	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-b		
Sông Bưởi	TV	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-d, F-48-92-C-c, F-48-92-C-d, F-48-92-C-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Cổ Tế	KX	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 37' 48"							F-48-92-C-d
thôn Hoàng Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 39' 03"							F-48-92-C-d
thôn Hợp Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 33"	105° 38' 52"							F-48-92-C-d
thôn Hợp Tiến	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 07"	105° 38' 33"							F-48-92-C-b
thôn Liên Hưng	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 38' 39"							F-48-92-C-d
thôn Phú Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 38' 46"							F-48-92-C-d
thôn Trường Thành	DC	xã Thành Hưng	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 39' 04"							F-48-92-C-b
quốc lộ 45	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			F-48-92-C-b
Sông Bưởi	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"			F-48-92-C-b
Thôn Chợ	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 49"	105° 40' 24"							F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"							F-48-92-C-b
hồ Đồng Sung	TV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 39"	105° 40' 37"							F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 09' 27"	105° 39' 49"							F-48-92-C-b
thôn Lâm Thành 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 46"	105° 40' 36"							F-48-92-C-b
thôn Liên Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 27"	105° 40' 24"							F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 40' 06"							F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 23"	105° 39' 45"							F-48-92-C-d
thôn Liên Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 06"	105° 40' 06"							F-48-92-C-d
cầu Nỗ Soái	KX	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 09"	105° 40' 41"							F-48-92-C-b
đồi Phú Sơn	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 22"	105° 40' 00"							F-48-92-C-d
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 21"	105° 40' 49"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 37"	105° 40' 32"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 3	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 52"	105° 39' 42"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 4	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 38"	105° 40' 03"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 5	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 40' 43"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 6	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 44"	105° 40' 37"							F-48-92-C-b
thôn Tân Sơn 7	DC	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 40' 51"							F-48-92-C-b
Đốc Trầu	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"							F-48-92-C-b
Đồi Xóc	SV	xã Thành Kim	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"							F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đồi Chùa Giáng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
núi Cò Bai	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 43"	105° 42' 48"					F-48-92-C-d
đồi Cò Cóm	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 21"	105° 41' 29"					F-48-92-C-d
núi Đá Dựng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 13"	105° 41' 47"					F-48-92-C-d
thôn Eo Bàn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 46"	105° 40' 53"					F-48-92-C-d
đồi Lũ Bút	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 55"	105° 41' 48"					F-48-92-C-d
núi Móng Cù	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 02' 23"	105° 42' 37"					F-48-92-C-d
Núi Nhảy	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 14"	105° 44' 06"			20° 04' 12"	105° 42' 11"	F-48-92-C-d
hòn Nước Xanh	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành							F-48-92-C-d
núi Phiêu Sơn	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 00"	105° 39' 49"					F-48-92-C-d
đồi Sau Làng	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 43"	105° 42' 08"					F-48-92-C-d
núi Tây Nơ Bò	SV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 11"	105° 43' 39"					F-48-92-C-d
hồ Tây Trác	TV	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 45"	105° 42' 14"					F-48-92-C-d
thôn Thành Công	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 44"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d
thôn Thành Du	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 03' 26"	105° 40' 43"					F-48-92-C-d
thôn Thành Minh	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 14"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn Thành Sơn	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 04' 08"	105° 41' 55"					F-48-92-C-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Thành Long	H. Thạch Thành	20° 05' 02"	105° 41' 23"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
cầu Bến Xanh	KX	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 39"	105° 39' 29"					F-48-92-C-b
hồ Bình Công	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 56"	105° 39' 32"					F-48-92-C-b
thôn Cẩm Bộ	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 14"	105° 37' 22"					F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"					F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"	F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
Thôn Cốc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 38"	105° 39' 28"					F-48-92-C-b
Núi Cối	SV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 48"	105° 37' 13"					F-48-92-C-a
Thôn Đàm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 27"	105° 38' 49"					F-48-92-C-b
Thôn Hèo	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 08"	105° 38' 57"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Luống	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 32"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
Thôn Mặc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 53"	105° 39' 07"					F-48-92-C-b
thôn Minh Hải	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 04"	105° 38' 08"					F-48-92-C-b
thôn Minh Lộc	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 29"	105° 37' 50"					F-48-92-C-b
thôn Minh Quang	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 24"	105° 38' 15"					F-48-92-C-b
thôn Mông Hương	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 42"	105° 38' 30"					F-48-92-C-b
thôn Mục Long	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 39"	105° 39' 38"					F-48-92-C-b
thôn Mỹ Đàm	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 43"	105° 38' 02"					F-48-92-C-b
Thôn Nghen	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 03"	105° 39' 03"					F-48-92-C-b
Thôn Sỏi	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 12' 35"	105° 39' 48"					F-48-92-C-b
Thôn Thượng	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 38' 41"					F-48-92-C-a
thôn Tự Cường	DC	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 13' 58"	105° 37' 07"					F-48-92-A-d, F-48-92-A-c, F-48-92-C-a, F-48-92-C-b
hồ Vững Sù	TV	xã Thành Minh	H. Thạch Thành	20° 14' 56"	105° 37' 30"					F-48-92-A-c
khe Bai Mường	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 31"	105° 32' 24"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c
Sông Bưởi	TV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-A-c
Đồi Chỏm	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 19"	105° 33' 28"					F-48-92-A-c
Núi Chùa	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 04"	105° 32' 50"					F-48-92-A-c
Núi Độc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 49"	105° 32' 16"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Luật	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 32' 55"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
đồi Hón Cái	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 54"	105° 33' 23"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
thôn Lê Cẩm 1	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 34"	105° 34' 23"					F-48-92-A-c
thôn Lê Cẩm 2	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 21"	105° 35' 07"					F-48-92-A-c
đồi Lạc Cọc	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
Núi Ong	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 21"	105° 32' 35"					F-48-92-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tân Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 17"	105° 34' 02"					F-48-92-A-c
thôn Tây Hương	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 32"	105° 33' 50"					F-48-92-A-c
Núi Thánh	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 18' 04"	105° 32' 31"					F-48-92-A-c
thôn Văn Đình	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 59"	105° 33' 09"					F-48-92-A-c
thôn Văn Phong	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 11"	105° 32' 45"					F-48-92-A-c
thôn Văn Phú	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 16' 18"	105° 32' 25"					F-48-92-A-c
thôn Văn Tiến	DC	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 15' 47"	105° 33' 32"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Mỹ	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-a, F-48-92-C-b, F-48-92-D-c
thôn Ba Cửa	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 27"	105° 44' 31"					F-48-92-C-d
thôn Ban Sinh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 45' 55"					F-48-92-D-c
thôn Ban Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 29"	105° 45' 53"					F-48-92-D-c
dốc Công Cua	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 54"	105° 44' 02"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 45' 14"					F-48-92-D-c
đồi Đồng Sở	SV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 06"	105° 44' 34"					F-48-92-C-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 07"	105° 46' 40"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Liên	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 31"	105° 45' 17"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Tân	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 47"	105° 45' 34"					F-48-92-D-a
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 14"	105° 44' 34"					F-48-92-C-d
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 38"	105° 44' 16"					F-48-92-C-b
thôn Nông Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 45"	105° 46' 22"					F-48-92-D-c
thôn Quỳnh Lâm	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 15"	105° 45' 47"					F-48-92-D-c
thôn Tân Lý	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 17"	105° 46' 15"					F-48-92-D-a
thôn Tân Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 08' 10"	105° 45' 03"					F-48-92-D-a
cầu Vạn Bảo	KX	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 44"	105° 46' 48"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
thôn Vạn Bảo	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 06' 48"	105° 46' 46"					F-48-92-D-c
thôn Yên Thịnh	DC	xã Thành Tâm	H. Thạch Thành	20° 07' 51"	105° 44' 43"					F-48-92-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Tân	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-b		
thôn Bái Đặng	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 12"	105° 42' 48"					F-48-92-C-b		
Núi Cái	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 17"	105° 43' 25"					F-48-92-C-b		
thôn Cát Thành	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 38"	105° 40' 37"					F-48-92-C-b		
đồi Cây Sồng	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 46"	105° 40' 48"					F-48-92-C-b		
Đồi Chùa	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b		
Đồi Cờ	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Phú	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 48"	105° 41' 53"					F-48-92-C-b		
thôn Hoà Luật	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 31"	105° 42' 31"					F-48-92-C-b		
Đồi Mả	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 49"	105° 41' 10"					F-48-92-C-b		
thôn Ngọc Động	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 02"	105° 40' 54"					F-48-92-C-b		
thôn Phú Bản	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 10' 22"	105° 42' 19"					F-48-92-C-b		
thôn Thạch Lỗi	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 40' 57"					F-48-92-C-b		
thôn Tiên Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 00"	105° 41' 24"					F-48-92-C-b		
thôn Tú Sơn	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 09' 41"	105° 42' 10"					F-48-92-C-b		
Đồi Xóc	SV	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b		
thôn Xuân Hương	DC	xã Thành Tân	H. Thạch Thành	20° 11' 04"	105° 41' 33"			19° 48' 05"	105° 26' 03"	F-48-92-C-b		
quốc lộ 45	KX	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"			F-48-92-C-d		
Đồi Búi	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 58"	105° 42' 30"					F-48-92-C-d		
Thôn Búi	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 56"	105° 42' 17"					F-48-92-C-d		
thôn Cầu Rỗng	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 03"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b		
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"					F-48-92-C-b		
hồ Đồng Khanh	TV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 16"	105° 41' 49"					F-48-92-C-b		
thôn Đồng Khanh	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 25"	105° 41' 43"					F-48-92-C-b		
Đồi Đự	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 36"	105° 41' 36"					F-48-92-C-b		
Thôn Đự	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 37"	105° 41' 21"					F-48-92-C-b		
thôn Phú Cốc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 26"	105° 42' 29"					F-48-92-C-d		
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"					F-48-92-C-b		
thôn Thọ Trường	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 06' 34"	105° 41' 53"					F-48-92-C-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Trạc	DC	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 07' 21"	105° 42' 07"					F-48-92-C-d
Dốc Trầu	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 18"	105° 41' 06"					F-48-92-C-b
đồi Trước Bồng	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 05"	105° 41' 35"					F-48-92-C-b
Đồi Xóc	SV	xã Thành Thọ	H. Thạch Thành	20° 08' 32"	105° 40' 59"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 18"	105° 41' 39"					F-48-92-C-d
thôn 2	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 51"	105° 41' 06"					F-48-92-C-d
thôn 3	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 52"	105° 40' 51"					F-48-92-C-d
thôn 4	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 23"	105° 40' 59"					F-48-92-C-d
thôn 5	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 12"	105° 40' 42"					F-48-92-C-d
thôn 6	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 40"	105° 40' 40"					F-48-92-C-d
thôn 7	DC	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 22"	105° 40' 30"					F-48-92-C-d
Đồi Cáo	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 07' 00"	105° 41' 00"					F-48-92-C-d
đồi Chùa Giảng	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 05' 30"	105° 41' 16"					F-48-92-C-d
Đồi Tháp	SV	xã Thành Tiến	H. Thạch Thành	20° 06' 54"	105° 41' 20"					F-48-92-C-d
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Trục	H. Thạch Thành			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Trục	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"	F-48-92-C-b
thôn Chính Thành	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 10' 41"	105° 39' 25"					F-48-92-C-b
Đồi Cờ	SV	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 09' 45"	105° 40' 12"					F-48-92-C-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 09' 40"	105° 39' 43"					F-48-92-C-b
thôn Đa Đụn	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 11' 48"	105° 37' 58"					F-48-92-C-b
thôn Định Thành	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 09' 56"	105° 39' 20"					F-48-92-C-b
thôn Eo Đa	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 12' 37"	105° 36' 55"					F-48-92-C-a
thôn Ngọc Nước	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 10' 32"	105° 38' 59"					F-48-92-C-b
cầu Thạch Định	KX	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 10' 01"	105° 38' 35"					F-48-92-C-b
thôn Thủ Chính	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 11' 10"	105° 39' 16"					F-48-92-C-b
thôn Vọng Thủy	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 11' 15"	105° 38' 24"					F-48-92-C-b
thôn Xuân Thành	DC	xã Thành Trục	H. Thạch Thành	20° 10' 20"	105° 39' 36"					F-48-92-C-b
thôn 1	DC	xã Thành Ván	H. Thạch Thành	20° 09' 59"	105° 45' 38"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 7	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 53"	105° 46' 35"							F-48-92-D-a
thôn 8	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 29"	105° 46' 01"							F-48-92-D-a
quốc lộ 45	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			F-48-92-D-a, F-48-92-C-b
đường tỉnh 522	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành				105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"			F-48-92-C-b
đồi Đồng Khanh	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 40"	105° 42' 01"							F-48-92-C-b
đồi Lưỡi Gà	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 04"	105° 43' 01"							F-48-92-C-b
đồi Ngọc Sung	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 53"	105° 43' 54"							F-48-92-C-b
thôn Phố Cát	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 07"	105° 43' 42"							F-48-92-C-b
đồi Rộc Chúp	SV	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 52"	105° 42' 26"							F-48-92-C-b
thôn Sơn Đế	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 47"	105° 43' 10"							F-48-92-C-b
cầu Sông Cạn	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 10' 15"	105° 46' 43"							F-48-92-D-a
thôn Tiên Quang	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 05"	105° 42' 29"							F-48-92-C-b
Cầu Vối	KX	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 51"	105° 43' 34"							F-48-92-C-b
thôn Xóm Đàm	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 07' 55"	105° 43' 31"							F-48-92-C-b
thôn Xóm Sắn	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 36"	105° 43' 37"							F-48-92-C-b
thôn Xóm Yên	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 08' 31"	105° 43' 13"							F-48-92-C-b
thôn Yên Lão	DC	xã Thành Vân	H. Thạch Thành	20° 09' 34"	105° 43' 27"							F-48-92-C-b
cầu phao Thành Vinh	KX	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 33"	105° 35' 20"							F-48-92-C-a
thôn Anh Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 34' 52"							F-48-92-C-a
thôn Bái Cháy	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 17"	105° 36' 04"							F-48-92-C-a
Sông Bưởi	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 22' 12"	105° 31' 26"	20° 01' 09"	105° 38' 06"			F-48-92-C-a
Núi Càng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 55"	105° 37' 02"							F-48-92-C-a
Suối Càng	TV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành			20° 13' 03"	105° 37' 44"	20° 14' 38"	105° 37' 26"			F-48-92-C-a
đồi Cây Đa	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 24"	105° 35' 44"							F-48-92-C-a
thôn Cự Nhan	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 35"	105° 34' 48"							F-48-92-C-a
núi Đá Bói	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 37"	105° 36' 45"							F-48-92-C-a
núi Đá Lờ	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 58"	105° 35' 52"							F-48-92-C-a
thôn Hồi Phú	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 12' 47"	105° 36' 32"							F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đồi Hón Măng	SV	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 35"	105° 36' 20"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 1	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 44"	105° 35' 38"					F-48-92-C-a
thôn Lộc Phượng 2	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 13' 34"	105° 35' 55"					F-48-92-C-a
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 28"	105° 36' 19"					F-48-92-C-a
thôn Phượng Long	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 21"	105° 35' 11"					F-48-92-C-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 27"	105° 35' 00"					F-48-92-C-a
thôn Tân Thành	DC	xã Thành Vinh	H. Thạch Thành	20° 14' 03"	105° 35' 43"	20° 16' 36"	105° 33' 57"	20° 16' 59"	105° 34' 56"	F-48-92-C-a
suối Áng Que	TV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành							F-48-92-A-c
núi Đầu Voi	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 27"	105° 34' 43"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 10"	105° 34' 19"					F-48-92-A-c
thôn Đồng Thành 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 35' 03"					F-48-92-A-c
núi Gánh Trang	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 06"	105° 36' 30"					F-48-92-A-c
Núi Giếng	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 44"	105° 34' 53"					F-48-92-A-c
núi Hón Giã	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 43"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Láng Cũ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 51"	105° 34' 54"					F-48-92-A-c
đồi Lộc Cọc	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 56"	105° 34' 11"					F-48-92-A-c
núi Lóng The	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 20"	105° 35' 36"					F-48-92-A-c
núi Lóng Thụ	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 08"	105° 35' 29"					F-48-92-A-c
thôn Thánh Tân	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 15' 10"	105° 39' 13"					F-48-92-A-d
đập Thành Trung	KX	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 12"	105° 36' 36"					F-48-92-A-c
thôn Thành Trung	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 36"	105° 36' 18"					F-48-92-A-c
Đồi Ven	SV	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 17' 48"	105° 33' 42"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 1	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 38"					F-48-92-A-c
thôn Yên Sơn 2	DC	xã Thành Yên	H. Thạch Thành	20° 16' 38"	105° 35' 15"					F-48-92-A-c
tiểu khu 1	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 02"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 28"					E-48-8-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 15"	105° 40' 25"					E-48-8-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 14"	105° 40' 33"					E-48-8-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
tiểu khu 6	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 40' 34"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 7	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 07"	105° 40' 38"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 8	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 40' 47"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 9	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 21"	105° 40' 50"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 10	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 22"	105° 40' 57"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 11	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 54"						E-48-8-A-b	
tiểu khu 12	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 27"	105° 40' 32"						E-48-8-A-b	
quốc lộ 45	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-A-b	
làng Chí Cẩn	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 28"						E-48-8-A-b	
Sông Chu	TV	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-b	
làng Dương Hoà	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 10"	105° 40' 54"						E-48-8-A-b	
làng Kiến Hưng	DC	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 40' 44"						E-48-8-A-b	
cầu Thiệu Hoá	KX	TT. Vạn Hà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 40' 38"						E-48-8-A-b	
thôn Châu Giang	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 51"						E-48-8-A-d	
thôn Châu Long	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 55"						E-48-8-A-d	
thôn Châu Ngọc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 43' 01"						E-48-8-A-d	
thôn Châu Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 08"	105° 42' 57"						E-48-8-A-d	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-d, E-48-8-A-b	
làng Đắc Châu	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 42' 55"						E-48-8-A-d	
thôn Phú Vãn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 14"	105° 42' 37"						E-48-8-A-d	
thôn Sơn Lộc	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 42' 06"						E-48-8-A-d	
thôn Sơn Phú	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 05"	105° 41' 55"						E-48-8-A-d	
thôn Sơn Quý	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 41' 58"						E-48-8-A-d	
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 42' 02"						E-48-8-A-d	
làng Thọ Sơn	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 42' 03"						E-48-8-A-d	
thôn Yên Tân	DC	xã Thiệu Châu	H. Thiệu Hoá	19° 52' 16"	105° 42' 13"						E-48-8-A-d	
thôn Dân Chính	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 54' 04"	105° 36' 36"						E-48-8-A-a	
thôn Dân Quyền	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 37"	105° 36' 28"						E-48-8-A-a	
thôn Dân Sinh	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 47"	105° 36' 24"						E-48-8-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Dân Tài	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 33"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Dân Tiến	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 21"	105° 36' 22"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Quý Hai	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 17"	105° 35' 18"					E-48-8-A-a
thôn Quý Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 31"	105° 35' 24"					E-48-8-A-a
thôn Quý Một	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 08"	105° 35' 10"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Làng	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 37"	105° 36' 47"					E-48-8-A-a
thôn Vượng Trại	DC	xã Thiệu Chính	H. Thiệu Hoá	19° 53' 40"	105° 37' 06"					E-48-8-A-a
thôn Liên Minh	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 13"	105° 39' 45"					E-48-8-A-b
thôn Lợi Thượng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 05"	105° 39' 40"					E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Nhán Mỹ	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 25"	105° 39' 48"					E-48-8-A-b
làng Oanh Kiều	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 39' 41"					E-48-8-A-b
thôn Oanh Kiều 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 40"	105° 39' 38"					E-48-8-A-b
thôn Phác Đồng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 55' 57"	105° 39' 24"					E-48-8-A-b
thôn Thành Hưng	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 56' 08"	105° 39' 05"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 1	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn Xuân Quan 2	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 31"	105° 39' 04"					E-48-8-A-b
làng Xuân Quang	DC	xã Thiệu Công	H. Thiệu Hoá	19° 54' 41"	105° 39' 09"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 41' 00"					E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 51' 58"	105° 40' 46"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 41"	105° 40' 45"					E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 40' 53"					E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 04"	105° 40' 40"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 32"	105° 41' 07"					E-48-8-A-b
thôn 7	DC	xã Thiệu Đô	H. Thiệu Hoá	19° 52' 25"	105° 41' 16"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 8	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 23"	105° 41' 23"						E-48-8-A-d	
thôn 9	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 20"	105° 41' 31"						E-48-8-A-d	
thôn 10	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 18"	105° 41' 41"						E-48-8-A-d	
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"		E-48-8-A-d, E-48-8-A-b	
cầu B9	KX	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 40' 42"						E-48-8-A-b	
thôn Ba Chè	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 00"	105° 40' 36"						E-48-8-A-d	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-b	
làng Cổ Đò	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 41' 09"						E-48-8-A-b	
làng Hồng Đò	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 23"	105° 41' 23"						E-48-8-A-d	
Cầu Nấp	KX	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 40' 40"						E-48-8-A-d	
cầu Thiệu Hoá	KX	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 40' 38"						E-48-8-A-b	
làng Trà Thượng	DC	xã Thiệu Đò	H. Thiệu Hoá	19° 51' 51"	105° 40' 47"			19° 55' 20"	105° 45' 23"		E-48-8-A-d	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá								E-48-8-A-b	
thôn Cự Khánh	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 43' 39"						E-48-8-A-b	
thôn Đông Hoà	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 55' 03"	105° 42' 53"						E-48-8-A-b	
thôn Đồng Miên	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 42' 49"						E-48-8-A-b	
làng Đồng Mỹ	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 42' 16"						E-48-8-A-b	
thôn Đông Mỹ 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 28"	105° 42' 08"						E-48-8-A-b	
thôn Đông Mỹ 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 26"	105° 42' 19"						E-48-8-A-b	
thôn Khánh Hội	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 35"	105° 41' 57"						E-48-8-A-b	
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"		E-48-8-A-b	
thôn Phú Điền	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 54' 16"	105° 43' 21"						E-48-8-A-b	
làng Sứ Nhân	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 42' 49"						E-48-8-A-b	
thôn Sứ Nhân 1	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 43"	105° 42' 45"						E-48-8-A-b	
thôn Sứ Nhân 2	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 42' 56"						E-48-8-A-b	
thôn Sứ Nhân 3	DC	xã Thiệu Duy	H. Thiệu Hoá	19° 53' 25"	105° 42' 43"						E-48-8-A-b	
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"		E-48-8-A-b	
thôn Đa Lộc	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 52"	105° 42' 10"						E-48-8-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Đường Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 51"	105° 43' 50"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Lâm	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 43' 45"					E-48-8-A-b
thôn Hưng Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 53"	105° 43' 30"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thành	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 00"	105° 43' 15"					E-48-8-A-b
thôn Trung Thôn	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 42' 54"					E-48-8-A-b
thôn Văn Điền	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 42' 03"					E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Xuân	DC	xã Thiệu Giang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 42' 26"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 06"	105° 44' 09"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 50' 49"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 08"	105° 44' 07"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 44' 03"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 06"	105° 43' 57"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn 7A	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 43' 45"					E-48-8-A-d
thôn 7B	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 50' 57"	105° 43' 29"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 44"	105° 44' 01"					E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 17"	105° 43' 41"					E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 26"	105° 43' 32"					E-48-8-A-d
thôn 12	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 25"	105° 43' 23"					E-48-8-A-d
thôn 13	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 23"	105° 43' 17"					E-48-8-A-d
thôn 14	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 11"					E-48-8-A-d
thôn 15	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 24"	105° 43' 02"					E-48-8-A-d
làng Bái Giao	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 40"					E-48-8-A-d
làng Đại Bái	DC	xã Thiệu Giao	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 43' 21"					E-48-8-A-d
thôn Dân Ái	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 36' 30"					E-48-8-A-a
thôn Dân Hoà	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 36' 14"					E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Hồ Mạt	TV	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 46"	105° 36' 20"							E-48-8-A-a, E-48-8-A-c
thôn Thái Dương	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 36' 55"							E-48-8-A-a
thôn Thái Hạnh	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 36' 50"							E-48-8-A-a
thôn Thái Hoà	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 14"	105° 36' 27"							E-48-8-A-c
thôn Thái Khang	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 21"	105° 36' 29"							E-48-8-A-c
xóm Trại Mai	DC	xã Thiệu Hoà	H. Thiệu Hoá	19° 52' 07"	105° 37' 03"							E-48-8-A-c
thôn Bắc Bằng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 29"	105° 44' 08"							E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 59' 39"	105° 44' 28"							E-48-8-A-b
thôn Chấn Long 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 45"	105° 44' 19"			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá									E-48-8-A-b
thôn Hợp Thắng	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 43' 57"			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá									E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 22"	105° 44' 10"							E-48-8-A-b
thôn Nam Bằng 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 44' 06"							E-48-8-A-b
thôn Quần Xá 1	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 45"	105° 43' 20"							E-48-8-A-b
thôn Quần Xá 2	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 53' 38"	105° 43' 24"							E-48-8-A-b
thôn Thắng Long	DC	xã Thiệu Hợp	H. Thiệu Hoá	19° 54' 16"	105° 44' 20"							E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá					20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá					20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b
thôn Đông Lỗ	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 35"	105° 41' 36"							E-48-8-A-b
Xóm Dưới	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 41' 29"							E-48-8-A-b
thôn Hưng Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 03"	105° 40' 46"							E-48-8-A-b
Cầu Kịt	KX	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 22"	105° 40' 41"							E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá					19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b
thôn Minh Đức	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 18"	105° 40' 47"							E-48-8-A-b
thôn Phong Phú	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 15"	105° 40' 41"							E-48-8-A-b
thôn Phú Lai	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 41' 16"							E-48-8-A-b
thôn Thành Đạt	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 01"	105° 41' 14"							E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Tiên Long	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 01"	105° 41' 12"					E-48-8-A-b
núi Tiên Nông	SV	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 37"	105° 41' 52"					E-48-8-A-b
thôn Tiên Nông	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 41' 29"					E-48-8-A-b
Xóm Trại	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 55' 10"	105° 40' 39"					E-48-8-A-b
Xóm Trên	DC	xã Thiệu Long	H. Thiệu Hoá	19° 56' 13"	105° 41' 31"					E-48-8-A-b
thôn 1	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 47"	105° 40' 07"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 48"	105° 39' 48"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 49"	105° 39' 05"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 48"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 34"	105° 39' 09"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 22"	105° 39' 14"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 15"	105° 39' 15"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 39' 23"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 50' 55"	105° 39' 36"	19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 39' 43"					E-48-8-A-d
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Lý	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá							E-48-8-A-a
thôn Đồng Bào	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 14"	105° 37' 12"					E-48-8-A-a
thôn Đồng Chí	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 37' 29"					E-48-8-A-b
thôn Đồng Minh	DC	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá	19° 53' 52"	105° 38' 22"					E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Minh	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-a
thôn Chấn Xuyên 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 35' 36"					E-48-8-A-a
thôn Chấn Xuyên 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 24"	105° 35' 42"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
Chợ Láng	KX	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 44"	105° 36' 19"					E-48-8-A-a
thôn Làng Mới	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 34"	105° 36' 51"					E-48-8-A-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 48"	105° 36' 49"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Thiện	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 57' 10"	105° 36' 38"							E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 1	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 43"	105° 36' 02"							E-48-8-A-a
thôn Tân Bình 2	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 55' 51"	105° 36' 05"							E-48-8-A-a
thôn Thiện Phong	DC	xã Thiệu Ngọc	H. Thiệu Hoá	19° 56' 45"	105° 36' 13"							E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-8-A-b, E-48-8-A-d
thôn Nguyễn Hưng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 03"	105° 41' 43"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Lý	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 58"	105° 42' 21"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Sơn	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 57"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Tân	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 42"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Thắng	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 42' 30"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Thành	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 56"	105° 42' 14"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Thịnh	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 41' 48"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Tiến	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 41' 34"							E-48-8-A-b
thôn Nguyễn Trung	DC	xã Thiệu Nguyên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 42' 05"			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-b
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá									E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 7	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 53' 51"	105° 40' 10"							E-48-8-A-b
thôn Đình Tân 8	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 53' 42"	105° 40' 06"							E-48-8-A-b
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"			E-48-8-A-b
thôn Ngọc Tĩnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 42"	105° 40' 47"							E-48-8-A-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 38"	105° 40' 36"							E-48-8-A-b
thôn Thuận Tôn	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 35"	105° 40' 44"							E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 1	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 43"	105° 39' 59"							E-48-8-A-b
thôn Tra Thôn 2	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 40"	105° 40' 04"							E-48-8-A-b
thôn Vĩnh Điện	DC	xã Thiệu Phú	H. Thiệu Hoá	19° 54' 00"	105° 40' 51"							E-48-8-A-b
Làng Chován	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 39' 01"					19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
Sông Chu	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá									E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Hạ	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 12"	105° 39' 01"							E-48-8-A-b
thôn Đoán Quyết Thượng	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 28"	105° 38' 39"							E-48-8-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Hoạch Phúc	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 54' 08"	105° 39' 50"					E-48-8-A-b		
thôn Mật Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 06"	105° 39' 35"					E-48-8-A-b		
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá					19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b		
thôn Vỹ Thôn	DC	xã Thiệu Phúc	H. Thiệu Hoá	19° 53' 32"	105° 39' 29"					E-48-8-A-b		
thôn 1	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 57' 03"	105° 45' 27"					E-48-8-B-a		
thôn 2	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 57"	105° 45' 36"					E-48-8-B-a		
thôn 3	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 56"	105° 45' 30"					E-48-8-B-a		
thôn 4	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 00"	105° 45' 20"					E-48-8-B-a		
thôn 5	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 47"	105° 44' 58"					E-48-8-A-b		
thôn 6	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 35"	105° 45' 04"					E-48-8-B-a		
thôn 7	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 23"	105° 45' 10"					E-48-8-B-a		
thôn 8	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 17"	105° 45' 05"					E-48-8-B-a		
thôn 9	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 14"	105° 45' 13"					E-48-8-B-a		
thôn 10	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 09"	105° 45' 11"					E-48-8-B-a		
thôn 11	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 15"	105° 44' 18"			20° 06' 52"	105° 21' 58"	E-48-8-A-b E-48-8-A-b		
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá							E-48-8-A-b		
làng Châu Trường	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 57' 02"	105° 45' 33"					E-48-8-B-a		
Sông Mã	TV	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a		
làng Nhân Cao	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 59"	105° 45' 22"					E-48-8-B-a		
làng Trí Cường	DC	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 55' 22"	105° 45' 08"					E-48-8-B-a		
Đò Vàng	KX	xã Thiệu Quang	H. Thiệu Hoá	19° 56' 02"	105° 45' 48"					E-48-8-B-a		
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b		
thôn Đồng Tâm	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 20"	105° 38' 14"					E-48-8-A-b		
thôn Đồng Thanh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 56"	105° 38' 49"					E-48-8-A-b		
thôn Đồng Tiến 1	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 04"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b		
thôn Đồng Tiến 2	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 11"	105° 38' 06"					E-48-8-A-b		
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu			Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b		
thôn Thái Bình	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 46"	105° 37' 25"					E-48-8-A-a		
thôn Thái Lai	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 37"	105° 37' 42"					E-48-8-A-b		
thôn Thái Ninh	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 05"	105° 37' 36"					E-48-8-A-b		
thôn Thái Sơn	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 42"	105° 37' 53"					E-48-8-A-b		
Cầu Trắng	KX	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 53' 34"	105° 37' 52"					E-48-8-A-b		
thôn 1	DC	xã Thiệu Tâm	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 43' 47"					E-48-8-A-b		
thôn 2	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 38"	105° 43' 27"					E-48-8-A-b		
thôn 3	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 44"	105° 43' 23"					E-48-8-A-b		
thôn 4	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 45"	105° 43' 08"					E-48-8-A-b		
thôn 5	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 26"	105° 43' 26"					E-48-8-A-d		
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-d		
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"					E-48-8-A-b		
làng Tân Giang	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 51"	105° 43' 51"					E-48-8-A-b		
làng Tân Thắng	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 43' 22"					E-48-8-A-b		
làng Tân Trung	DC	xã Thiệu Tân	H. Thiệu Hoá	19° 52' 45"	105° 43' 20"					E-48-8-A-b		
sông Cầu Chày	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	E-48-8-A-b		
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-b, E-48-8-A-a		
thôn Thành Bảo	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 37"	105° 38' 51"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Đông	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 24"	105° 38' 56"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Đức	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 49"	105° 38' 32"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Giang	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 56' 16"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Sơn	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 40"	105° 38' 01"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Thiện	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 48"	105° 38' 08"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Thượng	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 25"	105° 38' 29"					E-48-8-A-b		
thôn Thành Tiến	DC	xã Thiệu Thành	H. Thiệu Hoá	19° 55' 38"	105° 38' 31"					E-48-8-A-b		
Sông Chu	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Dương Phong	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 14"	105° 45' 32"						E-48-8-B-a	
Sông Mả	TV	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		E-48-8-B-a	
Đò Phùng	KX	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 15"	105° 45' 43"						E-48-8-B-a	
thôn Phùng Thôn 1	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 45' 24"						E-48-8-B-a	
thôn Phùng Thôn 2	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 05"	105° 45' 13"						E-48-8-B-a	
thôn Phùng Thôn 3	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 11"	105° 45' 12"						E-48-8-B-a	
thôn Phùng Thôn 4	DC	xã Thiệu Thịnh	H. Thiệu Hoá	19° 54' 04"	105° 45' 24"						E-48-8-B-a	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a, E-48-8-A-b	
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá								E-48-8-A-b	
làng Phúc Lộc	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 37"	105° 37' 40"						E-48-8-A-b	
thôn Phúc Lộc 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 37"	105° 37' 40"						E-48-8-A-b	
trôn Phúc Lộc 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 36"	105° 37' 52"						E-48-8-A-b	
làng Quan Trung	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 13"	105° 38' 37"						E-48-8-A-b	
thôn Quan Trung 1	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 20"	105° 38' 30"						E-48-8-A-b	
thôn Quan Trung 2	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 13"	105° 38' 37"						E-48-8-A-b	
thôn Quan Trung 3	DC	xã Thiệu Tiến	H. Thiệu Hoá	19° 54' 05"	105° 38' 45"						E-48-8-A-b	
Sông Chu	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"		E-48-8-A-d, E-48-8-A-b	
Cầu Kê	KX	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 32"	105° 35' 51"						E-48-8-A-a	
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-A-a	
thôn Toán Hàng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 25"	105° 35' 58"						E-48-8-A-a	
thôn Toán Phúc	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 45"	105° 36' 01"						E-48-8-A-a	
thôn Toán Thắng	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 03"	105° 35' 25"						E-48-8-A-a	
thôn Toán Thành	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 20"	105° 36' 18"						E-48-8-A-a	
thôn Toán Thọ	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 55' 19"	105° 36' 15"						E-48-8-A-a	
thôn Toán Ty	DC	xã Thiệu Toán	H. Thiệu Hoá	19° 54' 30"	105° 36' 09"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 31"	105° 40' 37"						E-48-8-A-d	
thôn 2	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 12"	105° 40' 32"						E-48-8-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 04"	105° 40' 46"							E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 05"	105° 40' 57"							E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 18"	105° 40' 47"							E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá	19° 51' 13"	105° 41' 02"							E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá					20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 45"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
sông Nhả Lê	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá					19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Trung	H. Thiệu Hoá					19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 44"	105° 40' 13"							E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 55"	105° 40' 01"							E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 56"	105° 39' 53"							E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 57"	105° 39' 46"							E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 33"	105° 39' 21"							E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 39"	105° 39' 30"							E-48-8-A-b
cầu Thiệu Lý	KX	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 39' 43"							E-48-8-A-d
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá					19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-b
thôn Lạc Đô	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 41"	105° 39' 58"					19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-b
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá									E-48-8-A-d
làng Quy Xá	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 52' 37"	105° 39' 33"							E-48-8-A-b
làng Vân Quy	DC	xã Thiệu Vận	H. Thiệu Hoá	19° 51' 55"	105° 40' 01"							E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 57"	105° 38' 19"							E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 50"	105° 38' 43"							E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 34"	105° 38' 47"							E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 15"	105° 38' 55"							E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 38' 54"							E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 16"	105° 38' 49"							E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 54"	105° 38' 50"							E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 58"	105° 38' 37"							E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 51' 57"	105° 38' 25"							E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 38' 15"							E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 26"	105° 38' 14"					E-48-8-A-d
Sông Dừa	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"	E-48-8-A-d, E-48-8-A-b
làng Nguyệt Quang	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 38' 54"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-b
làng Phú Thứ	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 03"	105° 38' 15"					E-48-8-A-d
làng Viên Nội	DC	xã Thiệu Viên	H. Thiệu Hoá	19° 52' 19"	105° 39' 04"					E-48-8-A-a
thôn Cẩm Ván	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 55' 34"	105° 36' 53"					E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Lam Đạt	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 54' 51"	105° 37' 04"					E-48-8-A-a
thôn Lam Vỹ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 54' 44"	105° 37' 18"					E-48-8-A-a
sông Mậu Khê	TV	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá			19° 56' 28"	105° 37' 03"	19° 53' 05"	105° 44' 47"	E-48-8-A-a, E-48-8-A-b
thôn Yên Lộ	DC	xã Thiệu Vũ	H. Thiệu Hoá	19° 55' 57"	105° 36' 32"					E-48-8-A-a
khu 1	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 58"	105° 24' 36"					E-48-7-B-b
khu 2	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
khu 3	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 24' 07"					E-48-7-B-b
khu 4	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 24' 20"					E-48-7-B-b
khu 5	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 24' 11"					E-48-7-B-b
khu 6	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 506	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	E-48-7-B-b
thôn Lam Sơn	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 24' 26"					E-48-7-B-b
Núi Mục	SV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
cầu Mực Sơn	KX	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					105° 32' 31"	E-48-7-B-b	
sông Nông Giang	TV	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"			E-48-7-B-b	
xóm Sơn Đào	DC	TT. Lam Sơn	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 25' 03"						E-48-7-B-b	
khu 1	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 27"	105° 27' 11"						E-48-7-B-b	
khu 2	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 27' 38"						E-48-7-B-b	
khu 3	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 35"						E-48-7-B-b	
khu 4	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 42"						E-48-7-B-b	
khu 5	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 05"	105° 27' 40"						E-48-7-B-b	
khu 6	DC	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 27' 04"						E-48-7-B-b	
quốc lộ 47	KX	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-7-B-b	
Suối Chùa	TV	TT. Sao Vàng	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"		E-48-7-B-b	
khu 1	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 58"						E-48-8-A-a	
khu 2	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 31' 01"						E-48-8-A-a	
khu 3	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 05"						E-48-8-A-a	
khu 4	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 31' 23"						E-48-8-A-a	
khu 5	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 31' 23"						E-48-8-A-a	
khu 6	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 59"	105° 31' 12"						E-48-8-A-a	
khu 7	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 19"						E-48-8-A-a	
khu 8	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 31' 12"						E-48-8-A-a	
khu 9	DC	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 31"	105° 31' 19"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 506	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-A-a	
cầu 3/2	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 31' 19"						E-48-8-A-a	
Sông Chu	TV	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
Chợ Phủ	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 30' 58"						E-48-8-A-a	
Cầu Trắng	KX	TT. Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 506	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-A-a	
thôn Mỹ Hạ	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 32' 31"						E-48-8-A-a	
thôn Mỹ Thượng 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 32' 08"						E-48-8-A-a	
thôn Mỹ Thượng 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 32' 20"						E-48-8-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Mỹ Thượng 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 14"	105° 32' 22"						E-48-8-A-a	
Chợ Neo	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 32' 10"						E-48-8-A-a	
thôn Nhuế Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 32' 40"						E-48-8-A-a	
thôn Nhuế Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 32' 45"						E-48-8-A-a	
thôn Nhuế Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 32' 54"						E-48-8-A-a	
sông Nông Giang	TV	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-A-a	
cầu Phúc Như	KX	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"						E-48-8-A-a	
thôn Trung Thôn 1	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 32' 40"						E-48-8-A-a	
thôn Trung Thôn 2	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 43"						E-48-8-A-a	
thôn Trung Thôn 3	DC	xã Bắc Lương	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 32' 34"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"						E-48-8-A-a	
thôn 2	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 57"						E-48-8-A-a	
thôn 3	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 02"						E-48-8-A-a	
thôn 4	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 15"	105° 32' 20"						E-48-8-A-a	
thôn 5	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 16"	105° 32' 24"						E-48-8-A-a	
thôn 6	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"						E-48-8-A-a	
thôn 7	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 32' 31"						E-48-8-A-a	
thôn 8	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 23"	105° 32' 35"						E-48-8-A-a	
thôn 9	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 32' 38"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 515D	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"		E-48-8-A-a	
Sông Chu	TV	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
làng Đồng Thôn	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 17"	105° 31' 52"						E-48-8-A-a	
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"						E-48-8-A-a	
làng Quân Bình	DC	xã Hạnh Phúc	H. Thọ Xuân	19° 56' 19"	105° 32' 28"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 506	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-A-a	
thôn Cao Phong	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 32' 31"						E-48-8-A-a	
thôn Kim Bảng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 32' 31"						E-48-8-A-a	
Kênh Nam	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"		E-48-8-A-a	
sông Nông Giang	TV	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 37"	19° 54' 41"	105° 32' 31"		E-48-8-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Phố Neo	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 48"	105° 32' 19"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 2	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 3	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn Phong Lạc 4	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 33' 18"					E-48-8-A-a
thôn Phú Gia	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 32' 17"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Hạ	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 54"	105° 32' 20"					E-48-8-A-a
cầu Phúc Như	KX	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 40"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Như	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 32' 29"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Nam Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 32' 10"					E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 44"	105° 30' 25"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 36"	105° 30' 29"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 30' 40"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 21"	105° 31' 05"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 34"	105° 31' 23"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 16"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 06"	105° 30' 50"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 05"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Phú Yên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 02' 01"	105° 27' 32"					F-48-91-D-d
thôn 2	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 01' 05"	105° 27' 47"					F-48-91-D-d
thôn 3	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 57"	105° 27' 26"					F-48-91-D-d
thôn 4	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 31"	105° 27' 30"					F-48-91-D-d
thôn 5	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 50"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 11"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 29' 13"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 26"	105° 29' 40"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 43"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 15"	105° 28' 55"					F-48-91-D-d
thôn 11	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 58"	105° 29' 21"					F-48-91-D-d
thôn 12	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 55"	105° 29' 35"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 49"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn 14	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	19° 59' 39"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 27"	105° 28' 52"					F-48-91-D-d
thôn 16	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 09"	105° 28' 50"					F-48-91-D-d
thôn 17	DC	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân	20° 00' 17"	105° 29' 05"					F-48-91-D-d
sông Cầu Chày	TV	xã Quảng Phú	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"	F-48-91-D-d, E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 46"	105° 31' 46"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 55' 05"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 36"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân	19° 54' 30"	105° 31' 40"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Tây Hồ	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 07"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 55"	105° 28' 22"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 25"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 51"	105° 27' 32"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 47"	105° 27' 43"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 27' 50"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 45"	105° 28' 05"					E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 10	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 50"	105° 28' 23"						E-48-7-B-b	
thôn 11	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 28' 23"						E-48-7-B-b	
thôn 12	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 28' 16"						E-48-7-B-b	
thôn 13	DC	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 27' 00"						E-48-7-B-b	
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-7-B-b	
Sông Chu	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-7-B-b	
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Diên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"		E-48-7-B-b	
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-7-B-b	
Sông Chu	TV	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-7-B-b	
thôn Công Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 36"	105° 28' 31"						E-48-7-B-b	
thôn Hải Khoát	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 29"	105° 28' 01"						E-48-7-B-b	
thôn Hải Mậu	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 28' 00"						E-48-7-B-b	
thôn Hải Tân	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 28' 19"						E-48-7-B-b	
thôn Hương 1	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 46"	105° 28' 54"						E-48-7-B-b	
thôn Hương 2	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 28' 44"						E-48-7-B-b	
thôn Minh Hải	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 54"	105° 27' 50"						E-48-7-B-b	
thôn Ngọc Thành	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 27' 48"						E-48-7-B-b	
thôn Phấn Thôn	DC	xã Thọ Hải	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 28' 48"						E-48-7-B-b	
thôn 1	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 25' 39"						E-48-7-B-b	
thôn 2	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 19"	105° 26' 06"						E-48-7-B-b	
thôn 3	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 24"	105° 26' 17"						E-48-7-B-b	
thôn 4	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 30"	105° 26' 31"						E-48-7-B-b	
thôn 4A	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 26' 20"						E-48-7-B-b	
thôn 4B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 26' 13"						E-48-7-B-b	
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-7-B-b	
thôn 5	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 47"						E-48-7-B-b	
thôn 5B	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 26' 31"						E-48-7-B-b	
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-7-B-b	
Núi Châu	SV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 32"	105° 25' 35"						E-48-7-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Sông Chu	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
Suối Chùa	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"	E-48-7-B-b
thôn Đá Voi	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 40"	105° 25' 48"					E-48-7-B-b
thôn Đẳng Lâu	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
làng Diên Hào	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
thôn Diên Trạch	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 26' 13"					E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Quần Ngọc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 27' 05"					E-48-7-B-b
thôn Quyết Tâm	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 54' 44"	105° 24' 47"					E-48-7-B-b
thôn Tân Phúc	DC	xã Thọ Lâm	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 26' 28"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 53"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 28' 01"					E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 28' 16"					E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 46"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 50"					E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 52"	105° 29' 09"					E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 06"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 50"	105° 28' 37"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
làng Yên Trường	DC	xã Thọ Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 56"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 32' 46"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 54' 04"	105° 32' 53"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 33' 02"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 36"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 30"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 33' 07"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 23"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a
thôn 11	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 18"	105° 33' 04"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 12	DC	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân	19° 53' 15"	105° 33' 11"							E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"			E-48-8-A-a
Kênh Nam	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 41"	105° 32' 31"	19° 40' 11"	105° 42' 52"			E-48-8-A-a
Sông Hoàng	TV	xã Thọ Lộc	H. Thọ Xuân			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"			E-48-8-A-a
thôn 1	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 15"	105° 27' 43"							E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 33"							E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 27' 45"							E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 28"	105° 27' 50"							E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 27' 59"							E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 50"	105° 28' 08"							E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 32"	105° 28' 12"							E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 38"	105° 28' 19"							E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 42"	105° 27' 39"							E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 41"	105° 26' 46"			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân			19° 57' 38"	105° 27' 58"					E-48-7-B-b
làng Long Thịnh	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân									E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân					19° 58' 18"	105° 25' 44"	19° 57' 27"	105° 26' 31"	E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân					19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
làng Yên Lược	DC	xã Thọ Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 27' 32"							E-48-7-B-b
thôn Cẩng Bình	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 44"	105° 34' 26"							E-48-8-A-a
thôn Cẩng Nam	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 37"	105° 34' 33"							E-48-8-A-a
thôn Cẩng Thịnh	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 40"	105° 34' 26"							E-48-8-A-a
thôn Cẩng Trung	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 34' 19"							E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-8-A-a
thôn Đồng Dọc	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 41"	105° 34' 14"							E-48-8-A-a
Sông Dừa	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"			E-48-8-A-a
thôn Liên Phô	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 33' 43"							E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"			E-48-8-A-a
thôn Phong Bái	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 36"	105° 33' 43"							E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Tiến Lập	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 55' 08"	105° 34' 08"						E-48-8-A-a	
thôn Văn Lộ	DC	xã Thọ Nguyên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 34' 12"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 35' 10"						E-48-8-A-a	
thôn 2	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 55' 53"	105° 34' 52"						E-48-8-A-a	
thôn 3	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 03"	105° 34' 52"						E-48-8-A-a	
thôn 4	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 09"	105° 34' 48"						E-48-8-A-a	
thôn 5	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 10"	105° 34' 41"						E-48-8-A-a	
thôn 6	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 14"	105° 34' 37"						E-48-8-A-a	
thôn 7	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 34' 46"						E-48-8-A-a	
thôn 8	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 34' 41"						E-48-8-A-a	
thôn 9	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 34' 58"						E-48-8-A-a	
sông Cầu Chày	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"		E-48-8-A-a	
Sông Chu	TV	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
thôn Đại Thắng	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 31' 52"						E-48-8-A-a	
thôn Phú Vinh	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 33"	105° 30' 47"						E-48-8-A-a	
thôn Thọ Long	DC	xã Thọ Thắng	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 30' 25"						E-48-8-A-a	
quốc lộ 47	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-7-B-b	
thôn 385	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 24' 14"						E-48-7-B-b	
đường tỉnh 507	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"		E-48-7-B-b	
thôn 16A	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 55"	105° 25' 11"						E-48-7-B-b	
thôn 16B	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 53' 29"	105° 24' 44"						E-48-7-B-b	
thôn Ca Lạc	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 15"	105° 23' 49"						E-48-7-B-b	
Sông Chu	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-7-B-b	
thôn Dựng Hoà	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 17"	105° 23' 24"						E-48-7-B-b	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"		E-48-7-B-b	
thôn Hữu Lễ 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 23' 17"						E-48-7-B-b	
thôn Hữu Lễ 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 14"	105° 23' 13"						E-48-7-B-b	
thôn Hữu Lễ 3	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 23' 24"						E-48-7-B-b	
thôn Hữu Lễ 4	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 24"	105° 23' 20"						E-48-7-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Làng May	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 01"	105° 23' 31"							E-48-7-B-b
thôn Luân Ván 1	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 23' 10"							E-48-7-B-b
thôn Luân Ván 2	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 23' 20"							E-48-7-B-b
Núi Mực	SV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 23' 53"							E-48-7-B-b
thôn Mực Ngoại	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 10"	105° 24' 00"			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân									E-48-7-B-b
thôn Thủ Trính	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 21"	105° 23' 06"							E-48-7-B-b
thôn Thủy Long	DC	xã Thọ Xương	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 23' 46"							E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 14"	105° 23' 20"							E-48-7-B-b
thôn 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 23' 10"							E-48-7-B-b
thôn 3	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 06"	105° 22' 57"							E-48-7-B-b
thôn 4	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 11"	105° 22' 46"							E-48-7-B-b
thôn 5	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 18"	105° 22' 48"							E-48-7-B-b
thôn 6	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 28"	105° 22' 48"							E-48-7-B-b
thôn 7	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 22' 48"							E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 53"	105° 22' 41"			20° 03' 25"	104° 57' 40"	19° 54' 44"	105° 24' 14"	E-48-7-B-b
đường tỉnh 507	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 46"	105° 22' 37"							E-48-7-B-b
đập Bái Thượng	KX	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-7-B-a, E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân									E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 03"	105° 22' 42"							E-48-7-B-b
thôn Minh Thành 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 54' 02"	105° 22' 52"							E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"			E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 1	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 45"	105° 22' 48"							E-48-7-B-b
thôn Quyết Thắng 2	DC	xã Xuân Bái	H. Thọ Xuân	19° 53' 56"	105° 22' 41"							E-48-7-B-b
xóm 1	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 27' 28"							E-48-7-B-b
xóm 2	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 38"	105° 24' 44"							E-48-7-B-b
xóm 3	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 27' 13"							E-48-7-B-b
xóm 4	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 35"	105° 27' 25"							E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
xóm 5	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 04"	105° 27' 14"					E-48-7-B-b
xóm 6	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 43"	105° 26' 46"					E-48-7-B-b
xóm 7	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 12"	105° 27' 00"					E-48-7-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 25"	105° 26' 32"					E-48-7-B-b
xóm 9	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 35"	105° 26' 04"					E-48-7-B-b
xóm 10	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 56"	105° 25' 27"					E-48-7-B-b
xóm 11	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 22"	105° 25' 50"					E-48-7-B-b
xóm 12	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 59' 57"	105° 25' 26"					E-48-7-B-b
núi Gò Tô	SV	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	20° 00' 11"	105° 25' 34"					F-48-91-D-d
làng Vạn Lai Hạ	DC	xã Xuân Châu	H. Thọ Xuân	19° 58' 59"	105° 26' 53"					E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 09"	105° 30' 58"					E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 02"	105° 30' 43"					E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 03"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 06"	105° 30' 14"					E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 11"					E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 30' 02"					E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn 8	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 00"	105° 29' 28"					E-48-7-B-b
thôn 9	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 10	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 29' 14"					E-48-7-B-b
thôn 11	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 24"					E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn 13	DC	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 29' 56"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b
kênh C6	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"	E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Giang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"	E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
kênh C1B	TV	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"	E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Sông Chu	TV	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a, E-48-7-B-b
thôn Hạ Long	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 20"	105° 30' 04"					E-48-8-A-a
thôn Khai Đông	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 07"	105° 30' 07"					E-48-8-A-a
thôn Kim Ốc	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 10"	105° 30' 18"					E-48-8-A-a
thôn Kim Phúc	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 50"	105° 30' 32"					E-48-8-A-a
thôn Phúc Thượng	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 43"	105° 30' 18"					E-48-7-B-b
thôn Thượng Vôi	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 26"	105° 29' 20"					E-48-8-A-a
thôn Tĩnh Thôn 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 30' 00"					E-48-7-B-b
thôn Tĩnh Thôn 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 56' 41"	105° 29' 38"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 1	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 29' 42"					E-48-7-B-b
thôn Trung Thành 2	DC	xã Xuân Hoà	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 29' 53"					E-48-7-B-b
kênh C1B	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 55' 37"	105° 31' 00"	E-48-7-B-b
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"	E-48-7-B-b
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"	E-48-7-B-b
thôn Phúc Hưng	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 07"	105° 28' 59"					E-48-7-B-b
Sân bay Thọ Xuân	KX	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 12"	105° 27' 36"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Hội	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 28' 26"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Khoa	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 56"	105° 28' 18"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Lai	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 28' 48"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 49"	105° 29' 02"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Tân	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 55' 11"	105° 27' 38"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Thanh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 23"	105° 28' 52"					E-48-7-B-b
thôn Xuân Vinh	DC	xã Xuân Hưng	H. Thọ Xuân	19° 54' 41"	105° 28' 36"					E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"	E-48-8-A-a
thôn Cường Mạnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 55"	105° 35' 00"					E-48-8-A-a
thôn Hùng Dũng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 54' 52"	105° 35' 15"					E-48-8-A-a
thôn Khang Thịnh	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 12"	105° 34' 53"					E-48-8-A-a
thôn Ninh Thành	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 18"	105° 34' 48"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-a
thôn Phúc Tráng	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 01"	105° 35' 02"					E-48-8-A-a
thôn Thọ Lộc	DC	xã Xuân Khánh	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 34' 58"					E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 22"	105° 31' 52"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
kênh N2	TV	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân			19° 58' 58"	105° 29' 27"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
làng Phong Lai	DC	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 33' 11"					E-48-8-A-a
Chợ Thạc	KX	xã Xuân Lai	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 32' 06"					E-48-8-A-a
xóm 1	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 22"	105° 24' 30"			19° 55' 20"	105° 07' 59"	E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân					20° 21' 59"	105° 31' 19"	E-48-7-B-b
thôn Giao Xá	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 24' 54"					E-48-7-B-b
thôn Hào Lương	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 25' 41"					E-48-7-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân							E-48-7-B-b
Đền Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 29"	105° 24' 29"					E-48-7-B-b
cầu Mực Sơn	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 07"	105° 24' 32"					E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"	E-48-7-B-b
lăng Nhà Lê	KX	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 33"	105° 24' 14"					E-48-7-B-b
thôn Phúc Lâm	DC	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân	19° 55' 35"	105° 24' 45"					E-48-7-B-b
Hòn Thiên	TV	xã Xuân Lam	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"	E-48-7-B-b
thôn Phú Xá 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 53"	105° 31' 14"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 00"	105° 31' 16"					E-48-8-A-a
thôn Phú Xá 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 31' 24"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 31' 57"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 11"	105° 32' 11"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 3	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 20"	105° 32' 08"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 4	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 32' 15"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 5	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 26"	105° 32' 13"					E-48-8-A-a
thôn Trung Lập 6	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 32"	105° 32' 24"					E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Vũ Hạ	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 14"	105° 31' 48"						E-48-8-A-a	
thôn Vũ Thượng 1	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 05"	105° 31' 26"						E-48-8-A-a	
thôn Vũ Thượng 2	DC	xã Xuân Lập	H. Thọ Xuân	19° 58' 10"	105° 31' 31"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"		E-48-8-A-a	
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"		E-48-8-A-a	
thôn Ngọc Trung	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 17"	105° 32' 35"						E-48-8-A-a	
thôn Phong Cốc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 32' 46"						E-48-8-A-a	
thôn Quang Hoa	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 36"	105° 33' 18"						E-48-8-A-a	
thôn Thiên Lạc	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 19"	105° 33' 25"						E-48-8-A-a	
thôn Thuận Hậu	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 30"	105° 32' 46"						E-48-8-A-a	
thôn Vinh Quang	DC	xã Xuân Minh	H. Thọ Xuân	19° 58' 15"	105° 32' 56"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 34' 08"						E-48-8-A-a	
thôn 2	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 29"	105° 34' 05"						E-48-8-A-a	
thôn 3	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 19"	105° 34' 05"						E-48-8-A-a	
thôn 4	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 20"	105° 33' 58"						E-48-8-A-a	
thôn 5	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 33' 58"						E-48-8-A-a	
thôn 6	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"						E-48-8-A-a	
thôn 7	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 48"	105° 34' 23"						E-48-8-A-a	
thôn 8	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 42"	105° 34' 16"						E-48-8-A-a	
thôn 9	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 53' 37"	105° 34' 23"						E-48-8-A-a	
Sông Dừa	TV	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân			19° 55' 00"	105° 33' 59"	19° 51' 22"	105° 38' 24"		E-48-8-A-a	
làng Mạnh Chư	DC	xã Xuân Phong	H. Thọ Xuân	19° 54' 09"	105° 34' 16"						E-48-8-A-a	
thôn 12	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 12"	105° 25' 45"						E-48-7-B-d	
thôn Ba Ngọc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 57"	105° 25' 08"						E-48-7-B-d	
thôn Bàn Lai	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 47"	105° 25' 59"						E-48-7-B-d	
Suối Chừa	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 52' 38"	105° 25' 49"	19° 53' 29"	105° 30' 12"		E-48-7-B-b	
hồ Cửa Trát	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 14"	105° 26' 06"						E-48-7-B-d	
thôn Cửa Trát	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 07"	105° 26' 02"						E-48-7-B-d	
thôn Đá Dựng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 23"	105° 24' 50"						E-48-7-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đội 3	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 24' 17"							E-48-7-B-b
thôn Đồng Cốc	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 42"	105° 25' 19"							E-48-7-B-b
thôn Đồng Luồng	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 03"	105° 24' 50"							E-48-7-B-d
thôn Đồng Tro	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 06"	105° 25' 15"							E-48-7-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"			E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
thôn Hố Dầm	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 52' 17"	105° 24' 32"							E-48-7-B-d
thôn Làng Bài	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 51' 25"	105° 24' 14"							E-48-7-B-d
thôn Làng Pheo	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 17"	105° 24' 52"							E-48-7-B-d
thôn Làng Sung	DC	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân	19° 50' 54"	105° 24' 50"							E-48-7-B-d
Suối Lù	TV	xã Xuân Phú	H. Thọ Xuân			19° 50' 58"	105° 24' 11"	19° 51' 18"	105° 21' 07"			E-48-7-B-d
thôn 1	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 16"							E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 34"	105° 31' 08"							E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 43"	105° 31' 05"							E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 45"	105° 31' 01"							E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 50"	105° 30' 54"							E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 39"	105° 30' 43"							E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 26"	105° 30' 59"							E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 35"	105° 30' 36"							E-48-8-A-a
thôn 9	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 27"	105° 30' 36"							E-48-8-A-a
thôn 10	DC	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 42"	105° 31' 26"							E-48-8-A-a
kênh C6	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"			E-48-8-A-a
sông Nông Giang	TV	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 54' 41"	105° 32' 31"			E-48-8-A-a
cầu Xuân Quang	KX	xã Xuân Quang	H. Thọ Xuân	19° 54' 37"	105° 31' 19"							E-48-8-A-a
thôn 13	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 04"	105° 28' 55"							E-48-7-B-b
thôn 15	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 52' 29"	105° 28' 55"							E-48-7-B-d
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-7-B-b, E-48-7-B-d
thôn Bích Phương	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 47"	105° 30' 07"							E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Bọt Thượng	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 50"	105° 30' 29"						E-48-8-A-a	
kênh C6	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 54' 54"	105° 30' 08"	19° 46' 59"	105° 34' 55"		E-48-8-A-a	
thôn Đồng Đình	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 06"	105° 30' 29"						E-48-8-A-a	
thôn Đồng Thanh	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 12"	105° 28' 55"						E-48-7-B-d	
thôn Hoàng Kim	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 31' 26"						E-48-8-A-a	
cầu Làng Chiềng	KX	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 28"	105° 30' 14"						E-48-8-A-a	
thôn Ngọc Lạp	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 54"	105° 29' 12"						E-48-7-B-b	
sông Nhà Lê	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân			19° 53' 20"	105° 28' 30"	19° 53' 29"	105° 30' 11"		E-48-7-B-b, E-48-8-A-a	
Sông Hoàng	TV	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân								E-48-8-A-a	
thôn Thành Sơn	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 25"	105° 29' 38"						E-48-8-A-a	
thôn Yên Cư	DC	xã Xuân Sơn	H. Thọ Xuân	19° 53' 39"	105° 30' 57"						E-48-8-A-a	
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"		E-48-8-A-a	
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân					20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	E-48-8-A-a	
Sông Chu	TV	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
thôn Ngọc Quang 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 34' 37"						E-48-8-A-a	
thôn Ngọc Quang 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 34' 34"						E-48-8-A-a	
thôn Phong Mỹ 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 11"	105° 33' 47"						E-48-8-A-a	
thôn Phong Mỹ 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 24"	105° 33' 45"						E-48-8-A-a	
thôn Thọ Tân 1	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 09"	105° 33' 25"						E-48-8-A-a	
thôn Thọ Tân 2	DC	xã Xuân Tân	H. Thọ Xuân	19° 57' 00"	105° 33' 29"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 19"	105° 28' 12"						E-48-7-B-b	
thôn 2	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 52"	105° 27' 50"						E-48-7-B-b	
thôn 3	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 27' 40"						E-48-7-B-b	
thôn 4	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 51"	105° 27' 18"						E-48-7-B-b	
thôn 5	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 00"	105° 27' 22"						E-48-7-B-d	
thôn 6	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 38"	105° 27' 37"						E-48-7-B-d	
thôn 7	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 27"	105° 27' 47"						E-48-7-B-d	
thôn 8	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 08"	105° 27' 25"						E-48-7-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 9	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 50' 53"	105° 27' 25"							E-48-7-B-d
thôn 10	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 27"	105° 28' 16"							E-48-7-B-d
thôn 11	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 53' 08"	105° 28' 19"							E-48-7-B-b
thôn 12	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 28' 12"							E-48-7-B-d
thôn 13	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 51' 58"	105° 29' 25"							E-48-7-B-d
thôn 14	DC	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân	19° 52' 33"	105° 27' 00"							E-48-7-B-b
quốc lộ 47	KX	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-7-B-d, E-48-7-B-b
Suối Chùa	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân			19° 52' 17"	105° 26' 38"					E-48-7-B-b
hồ Đồng Trường	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân					19° 52' 38"	105° 30' 12"			E-48-7-B-d
Suối Rào	TV	xã Xuân Thắng	H. Thọ Xuân					19° 52' 35"	105° 28' 05"	19° 53' 20"	105° 28' 30"	E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 27"	105° 32' 38"							E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 42"							E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 28"	105° 32' 45"							E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 31"	105° 32' 49"							E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 32' 56"							E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 01"							E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 21"	105° 33' 11"							E-48-8-A-a
thôn 8	DC	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 33' 18"							E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Thành	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-8-A-a
thôn Cộng Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 25"	105° 26' 53"							E-48-7-B-b
thôn Đại Đồng	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 12"	105° 26' 20"							E-48-7-B-b
Chợ Đầm	KX	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 20"	105° 26' 42"							E-48-7-B-b
thôn Đồng Cổ	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 57' 03"	105° 25' 52"							E-48-7-B-b
thôn Hiệp Lực	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 05"	105° 26' 06"							E-48-7-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 18"	105° 26' 46"							E-48-7-B-b
kênh N2	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 55' 34"	105° 24' 51"	19° 57' 13"	105° 26' 46"			E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 1	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 13"	105° 27' 04"							E-48-7-B-b
thôn Quảng Ích 2	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 22"	105° 27' 11"							E-48-7-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Quảng Phúc	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 26' 36"							E-48-7-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 24"	105° 26' 38"							E-48-7-B-b
Hón Thiên	TV	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân			19° 56' 42"	105° 25' 12"	19° 56' 58"	105° 27' 38"			E-48-7-B-b
thôn Thống Nhất	DC	xã Xuân Thiên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 26' 49"							E-48-7-B-b
xóm 16	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 54"	105° 28' 55"							E-48-7-B-b
xóm 17	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 48"	105° 29' 17"							E-48-7-B-b
xóm 18	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 01"	105° 29' 24"							E-48-7-B-b
xóm 19	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 59"	105° 29' 28"							E-48-7-B-b
xóm 20	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 58"	105° 29' 31"							E-48-7-B-b
xóm 21	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 57"	105° 29' 38"							E-48-7-B-b
xóm 23	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 55"	105° 29' 46"							E-48-7-B-b
xóm 25	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 54"	105° 29' 49"							E-48-7-B-b
xóm 26	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 51"	105° 30' 00"							E-48-8-A-a
xóm 27	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 57' 49"	105° 30' 11"							E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"			E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			20° 06' 52"	105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"			E-48-7-B-b
Sông Chu	TV	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-7-B-b, E-48-8-A-a
Xóm Cồn	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 18"	105° 29' 28"							E-48-7-B-b
xóm Phú Lịch	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 58"	105° 30' 00"							E-48-7-B-b
xóm Trại Mâu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 59' 18"	105° 28' 37"							E-48-7-B-b
xóm Trại Nu	DC	xã Xuân Tín	H. Thọ Xuân	19° 58' 41"	105° 30' 09"							E-48-7-B-b
thôn 1	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 11"	105° 30' 22"							E-48-8-A-a
thôn 2	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 07"	105° 30' 25"							E-48-8-A-a
thôn 3	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 04"	105° 30' 32"							E-48-8-A-a
thôn 4	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 36"							E-48-8-A-a
thôn 5	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 56"	105° 30' 40"							E-48-8-A-a
thôn 6	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 48"	105° 30' 47"							E-48-8-A-a
thôn 7	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 42"	105° 30' 58"							E-48-8-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 01"	105° 30' 44"						E-48-8-A-a	
thôn 9	DC	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 56' 08"	105° 30' 45"						E-48-8-A-a	
đường tỉnh 506	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 42' 19"	105° 41' 04"	19° 54' 50"	105° 24' 40"		E-48-8-A-a	
kênh C1B	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 02"	105° 29' 06"	19° 56' 28"	105° 29' 42"		E-48-7-B-b	
Sông Chu	TV	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
Cầu Trắng	KX	xã Xuân Trường	H. Thọ Xuân	19° 55' 38"	105° 31' 01"						E-48-8-A-a	
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân				105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"		E-48-8-A-a	
thôn Cao Phú	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 37"	105° 35' 02"						E-48-8-A-a	
sông Cầu Chày	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân				105° 21' 58"	19° 57' 04"	105° 45' 41"		E-48-8-A-a	
Sông Chu	TV	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân				105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"		E-48-8-A-a	
thôn Cốc Thôn	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 50"						E-48-8-A-a	
thôn Hợp Tiến	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 12"	105° 35' 38"						E-48-8-A-a	
Chợ Khu	KX	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 34' 46"						E-48-8-A-a	
thôn Phú Hậu	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 51"	105° 34' 59"						E-48-8-A-a	
thôn Phú Hậu 1	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 34' 59"						E-48-8-A-a	
thôn Phú Hậu 2	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 35' 00"						E-48-8-A-a	
thôn Thành Vinh	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 57' 08"	105° 34' 41"						E-48-8-A-a	
thôn Thọ Càn	DC	xã Xuân Vinh	H. Thọ Xuân	19° 56' 48"	105° 36' 04"						E-48-8-A-a	
thôn 1	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 59"	105° 31' 05"						E-48-8-A-a	
thôn 2	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 55"	105° 31' 01"						E-48-8-A-a	
thôn 3	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 08"						E-48-8-A-a	
thôn 4	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 47"	105° 31' 12"						E-48-8-A-a	
thôn 5	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 40"	105° 31' 12"						E-48-8-A-a	
thôn 6	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 33"	105° 31' 23"						E-48-8-A-a	
thôn 7	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 38"	105° 31' 28"						E-48-8-A-a	
thôn 8	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 35"	105° 31' 35"						E-48-8-A-a	
thôn 9	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 39"	105° 31' 46"						E-48-8-A-a	
thôn 10	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"						E-48-8-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 11	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 23"	105° 31' 37"					E-48-8-A-a
đường tỉnh 515D	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 56' 20"	105° 32' 08"	20° 00' 38"	105° 34' 14"	E-48-8-A-a
kênh Bắc Sông Chu Nam Sông Mã	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân			19° 58' 54"	105° 29' 43"	19° 57' 35"	105° 35' 10"	E-48-8-A-a
Sông Chu	TV	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân					19° 55' 20"	105° 07' 59"	E-48-8-A-a
cầu Hạnh Phúc	KX	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 56' 37"	105° 31' 59"					E-48-8-A-a
làng Thống Nhất	DC	xã Xuân Yên	H. Thọ Xuân	19° 57' 18"	105° 31' 30"					E-48-8-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia				105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
tiểu khu 1	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 04"	105° 46' 29"					E-48-20-B-a
tiểu khu 2	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 03"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 46' 43"					E-48-20-B-a
tiểu khu 4	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 40"	105° 46' 45"					E-48-20-B-a
tiểu khu 5	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 27' 00"	105° 46' 24"					E-48-20-B-a
tiểu khu 6	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 54"	105° 46' 42"					E-48-20-B-a
tiểu khu 7	DC	TT. Tĩnh Gia	H. Tĩnh Gia	19° 26' 35"	105° 46' 31"					E-48-20-B-a
thôn An Cư	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 49"	105° 43' 32"					E-48-8-C-d
Thôn Bài	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 23"	105° 43' 40"			19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
kênh Bông Bông	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia				105° 42' 47"			E-48-8-C-d
thôn Cổ Trinh	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 11"	105° 44' 00"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
Thôn Kiều	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 32' 28"	105° 44' 15"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Núi Nga	SV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 39"	105° 44' 32"					E-48-8-C-d
sông Thị Long	TV	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d
thôn Xuân Thắng	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 05"	105° 44' 49"					E-48-8-C-d
thôn Yên Tôn	DC	xã Anh Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 33' 57"	105° 44' 08"					E-48-8-C-d
Núi Chay	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"					E-48-20-B-a
thôn Đông Hải	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 21"	105° 48' 10"					E-48-20-B-a
thôn Đông Tiến	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 11"	105° 47' 31"					E-48-20-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đông Trung	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 25"	105° 47' 44"					E-48-20-B-a
thôn Đông Yên	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 18"	105° 47' 45"					E-48-20-B-a
thôn Hải Bạng	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 25"	105° 47' 00"					E-48-20-B-a
sông Kênh Than	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia			19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Phú Minh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 29"	105° 47' 03"					E-48-20-B-a
thôn Quý Vinh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 41"	105° 47' 15"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Đông	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 09"	105° 46' 26"					E-48-20-B-a
thôn Thanh Khánh	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 15"	105° 46' 50"					E-48-20-B-a
Núi Thối	SV	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 25' 45"	105° 48' 35"					E-48-20-B-a
thôn Yên Cầu	DC	xã Bình Minh	H. Tĩnh Gia	19° 26' 09"	105° 47' 10"					E-48-20-B-a
đường tỉnh 512	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 48"	105° 42' 24"			19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-C-d
cầu Bến Nhạn	KX	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 58"	105° 47' 31"			E-48-8-C-d
hồ Bông Bông	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 29' 51"	105° 40' 44"					E-48-20-A-b, E-48-8-C-d
kênh Bông Bông	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia							E-48-8-C-d
Khe Các	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 31' 04"	105° 42' 47"	19° 35' 52"	105° 45' 58"	E-48-8-C-d
Núi Các	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 07"	105° 42' 36"			19° 31' 11"	105° 41' 46"	E-48-8-C-d
Thôn Các	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 42' 08"					E-48-8-C-d
thôn Châu Thành	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 40"	105° 41' 40"					E-48-8-C-d
thôn Hải Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 42' 21"					E-48-8-C-d
sông Hao Hao	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 29"	105° 41' 49"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-8-C-d
thôn Hoành Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 30' 54"	105° 43' 38"					E-48-8-C-d
thôn Kiên Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 01"	105° 43' 19"					E-48-8-C-d
thôn Lam Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 43' 26"					E-48-8-C-d
Núi Lạn	SV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 44"	105° 43' 40"					E-48-8-C-d
Thôn Lạn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 00"	105° 41' 23"					E-48-8-C-d
thôn Minh Thịnh	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 53"	105° 43' 21"					E-48-8-C-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Phú Thiện	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 51"	105° 42' 29"					E-48-8-C-d		
thôn Quế Sơn	DC	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia	19° 31' 02"	105° 43' 06"					E-48-8-C-d		
sông Thị Long	TV	xã Các Sơn	H. Tĩnh Gia			19° 30' 13"	105° 41' 06"	19° 36' 29"	105° 45' 36"	E-48-8-C-d		
thôn 1	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 09"	105° 46' 49"					E-48-20-B-a		
thôn 2	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 50"	105° 46' 21"					E-48-20-B-a		
thôn 3	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 47"	105° 46' 09"					E-48-20-B-a		
thôn 4	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 49"	105° 45' 52"					E-48-20-B-a		
thôn 5	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 43"	105° 45' 20"					E-48-20-B-a		
thôn 6	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 13"	105° 45' 33"					E-48-8-D-c		
thôn 7	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 23"	105° 45' 06"					E-48-8-D-c		
thôn 8	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 34"	105° 44' 39"					E-48-20-A-b		
thôn 9	DC	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 13"	105° 45' 50"					E-48-20-B-a		
Núi Am	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a		
Núi Bằng	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 29' 27"	105° 45' 10"					E-48-20-B-a		
Núi Các	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 45"	105° 41' 27"					E-48-20-A-b		
Núi Con	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 30' 44"	105° 44' 45"					E-48-8-C-d		
suối Đồng Thùng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 37"	105° 45' 28"	19° 29' 42"	105° 45' 43"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a		
Suối Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 26' 19"	105° 42' 11"	19° 29' 55"	105° 44' 12"	E-48-20-A-b		
sông Hao Hao	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 29' 55"	105° 44' 12"	19° 33' 22"	105° 43' 30"	E-48-20-A-b, E-48-8-C-d		
Khe Luồng	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 28' 29"	105° 41' 35"	19° 28' 12"	105° 43' 05"	E-48-20-A-b		
Kênh Nam	TV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a, E-48-20-A-b, E-48-8-C-d, E-48-8-D-c		
Núi Sắn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b		
Núi Trạn	SV	xã Định Hải	H. Tĩnh Gia	19° 28' 38"	105° 45' 06"					E-48-20-A-b		
quốc lộ 1A	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c		
thôn 1	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 48"	105° 48' 07"					E-48-8-D-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 2	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 32"	105° 48' 01"							E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 40"	105° 47' 32"							E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 26"	105° 47' 02"							E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 32' 52"	105° 47' 15"							E-48-8-D-c
đường tỉnh 512	KX	xã Hải An	H. Tĩnh Gia					19° 31' 58"	105° 47' 31"	19° 31' 32"	105° 40' 56"	E-48-8-D-c
Kênh Bắc	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia					19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 32' 45"	105° 48' 00"	E-48-8-D-c
Núi Bợm	SV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia	19° 31' 54"	105° 46' 29"							E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải An	H. Tĩnh Gia					19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c
thôn Đoan Hùng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 57"	105° 46' 35"							E-48-20-B-a
Hòn Đót	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 11"	105° 55' 49"							E-48-20-B-d
cửa Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 47' 06"							E-48-20-B-a
sông Lạch Bạng	TV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia					19° 21' 29"	105° 43' 25"	19° 24' 14"	105° 47' 06"	E-48-20-B-a
thôn Liên Đình	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 26"	105° 46' 50"							E-48-20-B-a
thôn Liên Hưng	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 21"	105° 46' 56"							E-48-20-B-a
thôn Liên Thịnh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 20"	105° 47' 00"							E-48-20-B-a
Đảo Mé	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 22' 22"	105° 55' 26"							E-48-20-B-d
Hòn Miêu	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 20' 44"	105° 53' 59"							E-48-20-B-a
thôn Nam Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 54"							E-48-20-B-a
thôn Tân Hải	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 07"	105° 46' 38"							E-48-20-B-a
thôn Tân Vinh	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 23' 51"	105° 46' 47"							E-48-20-B-a
thôn Tiên Phong	DC	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 24' 14"	105° 46' 38"							E-48-20-B-a
Hòn Vàng	SV	xã Hải Bình	H. Tĩnh Gia	19° 21' 30"	105° 52' 18"							E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia					20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c
thôn Bắc Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 41"	105° 48' 05"							E-48-8-D-c
Cầu Ghép	KX	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 47"	105° 47' 24"							E-48-8-D-c
thôn Hoà Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 07"	105° 47' 52"							E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia									E-48-8-D-c
thôn Liên Hải	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 57"	105° 48' 05"							E-48-8-D-c
thôn Liên Thành	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 18"	105° 47' 58"							E-48-8-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Nam Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 35' 31"	105° 47' 46"						E-48-8-D-c	
thôn Thắng Lợi	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 40"	105° 47' 56"						E-48-8-D-c	
thôn Thanh Bình	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 56"	105° 47' 34"						E-48-8-D-c	
thôn Thanh Đông	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 37"	105° 48' 09"						E-48-8-D-c	
thôn Thanh Trung	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 34' 52"	105° 47' 59"						E-48-8-D-c	
Sông Yên	TV	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia			19° 39' 44"	105° 42' 50"	19° 34' 32"	105° 48' 36"		E-48-8-D-c	
thôn Yên Châu	DC	xã Hải Châu	H. Tĩnh Gia	19° 36' 14"	105° 48' 08"						E-48-20-B-c	
núi Bằng Me	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 45' 48"						E-48-20-B-c	
núi Bằng Nen	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 17' 49"	105° 46' 45"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Bắc	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 13"	105° 48' 11"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Đông	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 20"	105° 48' 25"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Nam	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 09"	105° 48' 14"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Phú	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 34"	105° 48' 33"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Tân	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 19' 03"	105° 48' 14"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Tây	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 41"	105° 48' 16"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Thành	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 25"	105° 48' 34"						E-48-20-B-c	
thôn Hà Trung	DC	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 21"	105° 48' 10"						E-48-20-B-c	
đường Nghi Sơn/Bãi Trành	KX	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia			19° 18' 39"	105° 48' 02"	19° 28' 10"	105° 26' 16"		E-48-20-B-c	
núi Răng Cưa	SV	xã Hải Hà	H. Tĩnh Gia	19° 18' 11"	105° 47' 54"						E-48-20-B-c	
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-20-B-a	
Núi Am	SV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"						E-48-20-B-a	
Núi Chay	SV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 34"	105° 48' 16"						E-48-20-B-a	
thôn Đông Hải	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 10"	105° 48' 10"						E-48-20-B-a	
thôn Giang Sơn	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 42"	105° 48' 19"						E-48-20-B-a	
sông Kênh Than	TV	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"		E-48-20-B-a	
thôn Nhân Hưng	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 55"	105° 47' 48"						E-48-20-B-a	
thôn Tân Hoà	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 59"	105° 47' 06"						E-48-20-B-a	
thôn Tiên Phong	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 18"	105° 47' 19"						E-48-20-B-a	
thôn Trung Chính	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 23"	105° 46' 54"						E-48-20-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vinh Tiến	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 26' 43"	105° 47' 18"					E-48-20-B-a
thôn Xuân Hoà	DC	xã Hải Hoà	H. Tĩnh Gia	19° 27' 31"	105° 47' 19"					E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
thôn 1	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 31' 11"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 2	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 53"	105° 48' 05"					E-48-8-D-c
thôn 3	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 59"	105° 47' 38"					E-48-8-D-c
thôn 4	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 43"					E-48-8-D-c
thôn 5	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 25"	105° 47' 33"					E-48-8-D-c
thôn 6	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 51"	105° 47' 19"					E-48-8-D-c
thôn 7	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 09"	105° 47' 36"					E-48-8-D-c
thôn 8	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 54"	105° 47' 05"					E-48-8-D-c
thôn 9	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 00"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
thôn 10	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 48"	105° 47' 42"					E-48-20-B-a
thôn 11	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 41"	105° 47' 38"					E-48-20-B-a
thôn 12	DC	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 29' 30"	105° 47' 43"					E-48-20-B-a
Núi Đồng	SV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia	19° 30' 15"	105° 46' 48"					E-48-8-D-c
sông Kênh Than	TV	xã Hải Lĩnh	H. Tĩnh Gia			19° 35' 40"	105° 47' 13"	19° 24' 47"	105° 47' 10"	E-48-8-D-c, E-48-20-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-20-B-a
Núi Am	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 53"	105° 46' 59"					E-48-20-B-a
hồ Ao Quan	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 06"	105° 44' 46"					E-48-20-A-b
thôn Bắc Hải	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 34"	105° 46' 37"					E-48-20-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 22"	105° 45' 45"					E-48-20-B-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 29"	105° 46' 38"					E-48-20-B-a
thôn Khánh Vân	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 27' 24"	105° 46' 10"					E-48-20-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia			19° 30' 46"	105° 44' 13"	19° 25' 16"	105° 46' 13"	E-48-20-B-a
thôn Nhân Sơn	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 04"	105° 45' 07"					E-48-20-B-a
Núi Sắn	SV	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 21"	105° 43' 27"					E-48-20-A-b
thôn Sơn Hậu	DC	xã Hải Nhân	H. Tĩnh Gia	19° 28' 03"	105° 44' 23"					E-48-20-A-b